Năm thứ hai — Số 55
Tuần - lễ từ thứ tư 15
đến thứ ba 21 Juillet 1942

TRI TÂN

Tạp-chí văn-hóa ra hằng tuần
Tòa báo : 195, Phố Hàng Bông, Hà-nội

Trong số này :

Quyển tác-giả — Phan huy-Chú với bộ « Lịch-triều hiến-chương — Tra nghĩa chữ nho (IX) — Cách xếp-đặt chữ nho trong tự-điển (I) — Tài-liệu để đính - chính những bài văn cổ (XXXII) — Ban-mê-thuột (lữ-ký, III) — Việt-nam văn-học sử (XXX) — Những ông nghè triều Lê (XXVIII) — Phê-bình « Kinh cầu tự » — Lao trung, thiếu nữ thán (dịch thơ tây) — Trúc mai sum-họp (IV).

GIÁ BÁO
Mỗi số 1 năm 6p80
6 tháng 3.50
1 số xu 3 — 1.80
Công sở gia gấp đôi

QUYỀN TÁC-GIẢ

LE-THANH

KHÔNG ở đâu bằng ở đây, các quyền lợi của nhà văn bị người ta rẻ-rúng, đã có lần tôi viết thế trên tờ báo này, tôi còn nhắc lại nữa và nhắc lại mãi, mỗi lần tôi còn thấy nhà văn bị người ta bóc lột một cách vô lương tâm.

Tiểu thuyết của nhà văn bị người ta tự do đem soạn thành vở hát diễn lấy tiền.

Văn thơ luân-thuyết đăng báo bị người ta tự-do lấy in thành những tập sách đẹp bán lấy tiền.

Một tiểu thuyết người ta đã in thành sách còn bị người ta lấy về sửa qua loa rồi, với một cái tên khác, đem bán cho một nhà xuất-bản khác để lấy tiền.

Tôi còn có thể kể nữa... nhưng thôi, hôm nay tôi hãy dừng riêng lại với một cách bóc lột các nhà văn mà có lẽ chính nhà văn của ta cũng không để ý đến.

Ở Hàng Ngang, Hàng Gai, Phố Huế, và nhiều phố khác ở Hà-nội có những hàng sách với tấm biển « Truyện cho thuê » *Ở đấy người ta cho thuê truyện nghĩa là chủ nhân hiệu ấy bỏ một cái vốn độ bốn hào mua cuốn sách của các ngài về cho thuê.*

Cho thuê mỗi cuốn hai xu, mà tính trung bình họ có thể cho thuê độ 500 lần.

Nhà văn ta được lãi vào cuốn sách ấy bao nhiêu, độ 10 /. × 0 40 = bốn xu. Mà người đứng cho thuê truyện, không mệt óc, không lao tâm, chỉ bỏ cái vốn bốn hào đã được

0p02 × 500 10p00,

250 lần cái số tiền nhà văn ta được hưởng.

Tôi tưởng không còn có sự bóc lột nào tàn nhẫn hơn được nữa !

Sao ta cứ để yên như thế mãi, tuy chúng ta có quyền làm mất sự thiệt thòi mà chúng ta phải chịu từ trước đến nay.

Năm 1936, bên Pháp, ông thượng thư Zay, hồi ấy đang giữ bộ Quốc gia giáo-dục có đệ lên nghị viện bản dự án một đạo luật định quyền lợi của những người sống về văn-chương và mỹ thuật.

Tôi xin trích ra đây đoạn có quan hệ đến việc cho thuê sách lấy tiền đã nói trên :

Article 15. — *Le droit d'auteur comporte notamment au profit de l'auteur :*

— Le droit exclusif de reproduire et de diffuser, ainsi que d'autoriser la reproduction et la diffusion de ses œuvres — le droit exclusif d autoriser sous les conditions spéciales fixées par lui, l'emploi d'une ou plusieurs exemplaires de ses œuvres par toutes personnes s'en servant non pour leur usage personnel, mais pour des opérations de location, de prêt ou autres opérations de communication de l œuvre au public, si ces opérations ont pour effet la réalisation de bénéfices ou une réduction de tais généraux ;

(Khoản thứ 15 : Quyền tác giả lưu-trung gồm có những lợi — độc quyền in và truyền bá cùng là cho phép in và truyền bá tác phẩm của mình — độc quyền cho phép, theo những điều kiện riêng do tác giả định, tất cả những người nào dùng một hay nhiều bản của tác phẩm không phải riêng cho mình mà để cho thuê, cho mượn, hoặc vào những cách truyền bá khác cho công chúng, mục đích là kiếm lợi hay giảm bớt số tiền chi-phí...

Quyền lợi của ta là thế. Ta cần phải giữ lấy nó và che chở nó bằng cách cảnh cáo những người có cửa hàng cho thuê sách lấy tiền ; nếu cách ấy không có hiệu quả, ta có thể nhờ sự can-thiệp của pháp-luật.

Trong việc này chúng ta cần phải hợp lực với các nhà xuất bản để bảo tồn lấy cái quyền-lợi chung của cả hai bên.

Tôi mong những lời tôi viết hôm nay sẽ không phải là những lời bàn suông và một ngày gần đây, qua những phố Hà-nội và các tỉnh khác, đứng trước những hiện sách, chúng ta sẽ không phải khổ tâm nhìn người ta thản nhiên bóc lột ta bằng cách giả người đồng phạm mấy đồng xu thuê một tác phẩm của chúng ta như từ trước đến nay người ta vẫn làm.

LÊ-THANH

Một bộ sách rất giúp ích về mặt sử-học và văn-học Việt-nam cận-đại

PHAN HUY-CHÚ (1781-1840) VỚI BỘ «LỊCH TRIỀU HIẾN CHƯƠNG»

HOA-BẰNG

NĂM MINH-MANG thứ nhất, 1820, góp vào kho văn-hóa của nước Đại-Nam có một pho sách rất giá-trị về mặt sử-học cũng như về mặt văn-học: ấy là bộ « *Lịch-triều hiến-chương loại chí* » của Phan Huy-Chú.

Căn cứ vào bộ sách ấy, nhiều bài trong Tri-Tân bấy nay thường vẫn dùng làm tài-liệu về sử-học và văn-học. Nhưng không mấy khi quên dẫn xuất xứ.

Vậy, tác-giả sách đó là người thế nào và công-trình làm thành sách đó ra sao, tưởng nay nên kê-cứu kỹ-càng mà giới-thiệu với các bạn thanh-niên biết đến một văn phẩm bằng chữ hán rất quí-báu ấy đã « khai sinh » vào « sổ » Văn-học Việt-nam từ 122 năm trước đây.

Tiểu-sử tác-giả « Lịch-triều hiến-chương »

Phan Huy-Chú, trước tên là Hạo, sau vì tránh quốc-húy, đổi là Chú.

Tự Lâm-Khanh, hiệu Mai-Phong, tiên-sinh gốc-gác vốn người Nghệ-an. Đến ông tổ xa, tên là Cần, mới dời tới ở tại làng Thụy-khuê (tục gọi làng Thày), tổng Lật-sài, huyện Yên-sơn, phủ Quốc-oai, tỉnh Sơn-tây.

Sinh vào mùa đông năm nhâm-dần, 1782, niên hiệu Cảnh-hưng đời Lê Hiển-Tông, 1740-1786, tiên-sinh nổi tiếng hay chữ từ thuở trẻ. Khoa đinh-mão và khoa kỷ-mão đời Gia-Long, 1802 1819 tiên-sinh đều đỗ tú-tài, nên bấy giờ người ta thường kêu là cụ Kép Thày.

Từ năm Gia-Long thứ tám, 1809, tiên-sinh bắt tay làm bộ « *Lịch-triều hiến-chương* ».

Trải mười năm đằng đẵng, bộ « *Lịch-triều hiến chương* » ấy mới nên trọn, gồm 49 quyển.

Năm Minh-mạng nguyên niên, 1820, dâng bộ sách ấy lên vua Thánh-Tổ, tiên-sinh được thưởng:

30 lạng bạc,
1 chiếc áo sa,
30 ngọn bút tàu,
30 thoi mực tàu.

Qua năm Minh-mạng thứ hai, 1821, tiên-sinh được bổ Hàn-lâm biên tu, trải làm Thừa-thiên phủ thừa (Minh-mạng năm thứ chín, 1828), rồi làm đến Quảng-nam hiệp-trấn (Minh-mạng thứ mười, 1829)

Vì tiên-sinh là tay học rộng, văn hay, nên hai lần được cử đi sứ Mãn-Thanh.

Lần thứ hai được cử đi sứ Tàu này là do nhà vua đặc phê cử đi; chứ các đình thần thì dị nghị vì cho rằng tiên-sinh đang ở chức thấp. Vua Minh-Mạng liền thăng lên Thị-giảng, sung đi sứ.

Sau phải khiển-trách, tiên-sinh bị cử đi Tây để trổ sức chuộc lỗi.

Năm Minh-mạng thứ mười lăm, 1834, tiên-sinh được khai phục làm Công bộ tư-vụ.

Rồi, lấy cớ đau chân, xin cáo quan về nghỉ, tiên-sinh dạy học ở làng Thanh-mai, huyện Tiên-phong.

Năm Minh-mạng thứ hai mươi mốt, 1840, tiên-sinh mất, thọ 59 tuổi, để lại một sự-nghiệp bất hủ về phương-diện văn-học.

Tiên-sinh có những tác-phẩm này:

1· *Hoàng Việt địa dư chí*
2· *Hoa thiều ngâm lục*
3 *Hoa thiều tục ngâm*
4· *Dương trình kỷ kiến*
(Trong mấy tập này cũng có tập hãy còn)
5 *Bình định qui trang*
(Tập này không thấy còn)
Và:
6 *Lịch triều hiến chương*

là một bộ sách đối với triều-đình bấy giờ, dùng làm căn-cứ để kê tra mọi việc về chính-giáo, đối với pho *Khâm định Việt-sử thông giám cương mục*, giúp đến quá nửa tài-liệu trong những lời chú, và đối với những nhà học-giả Pháp, Nam hiện đại, đã trở nên một của báu vô giá để nghiên-

cứu hoặc tham khảo trong khi viết đến những vấn-đề về văn-hóa Việt-nam.

Động cơ và thủ tục làm thành bộ « Lịch triều hiến chương »

« Thần, khoảnh nhân dụy nghiệp,
« Xi bão hà tư...
« Vị : cố điển mang mang, tảng phỉ phân điều nhi tích lũ,
« Tức kiến văn mậu mậu, hề do bác cổ nhi thông kim !
« Quát ma viện lệ nghiên cầu,
« Xuyết thập tự vong cố lậu:
« Khảo đính duyệt thập hàn thử, triều san, mộ dịch thử tinh thần.
« Ôn quát kiêm lục đại điều-chương, loại biệt, vựng phân dai yếu điển.
« Bình luận thời gia ức thuyết,
« Quán thông tổ hiệu thành thư.. »

Đó là mấy câu trích trong bài biểu dâng sách « *Lịch triều hiến chương* » của tác-giả Phan Huy-Chú. Những câu ấy là thể văn biền ngẫu thường dùng để viết chiếu biểu xưa. Đại ý :

« Tôi gần đây, nhân theo đuổi học tập, có ôm cái xi tưởng nghĩ xa-xôi mà cho rằng nếu điển chương cũ cứ để man-mác, không chia ra từng đường từng sợi cho rõ ràng, thì kiến văn lờ mờ, bởi đâu mà rộng cổ, thông kim được !

« Tôi quên mình là kẻ cố chấp và cô lậu, ra công mài nạo, ráng sức nghiên-cứu và tìm-tòi. Sớm san sửa, chiều gỡ mối, làm công việc khảo đính ấy suốt mười năm ; chia từng loài, phân từng vựng, gom tóm được điển chương của sau triều đại. Thỉnh-thoảng có lấy ức thuyết mà thêm lời bình luận, xâu suốt liền thông gọi cho thành sách... ».

Đó là những lời cốt yếu của tác-giả thanh-minh về nguyên-động-lực và thủ-tục làm bộ « Lịch triều hiến-chương ».

Những ý ấy được nói rõ trong bài tựa « *Lịch triều hiến chương loại chí* » mà tôi sẽ trích dịch từng đoạn trọng-yếu ra sau đây :

« ... Nước Việt ta lập quốc từ các đời Đinh, Lê, Lý, Trần, phong hội đã mở-mang, mỗi triều-đại có một chế-độ của một triều-đại. Kịp đến nhà Lê dày lên, kiến thiết rõ ràng, pháp độ tỏ tường và đầy đủ. Về mặt thanh danh văn vật, thịnh đạt chẳng kém gì Trung-hoa. Phàm những điều-chương và yếu-điển như phương-pháp đặt quan, thì kẻ sĩ, qui tắc binh chế, lý tài, điển lễ trị nước và giao thiệp với lân bang, không mặt nào là không có đủ. Vì từ triều Hồng-đức, 1470-1497, sửa định, đời sau noi theo, trong khoảng hơn 300 năm, được vua tài chúa giỏi châm chước, tôi hiền tướng tốt kiến minh, nào duy trì, nào tuân giữ, những cái gọi là điển-lễ dựa theo nhau kia, chẳng nói cũng biết là có sự sửa sang thêm bớt ở trong đó.

« Duy trước giờ chưa có bộ sách nào chuyên chép về hội điển của lịch triều ; mà sự ghi chép của quốc sử biên niên còn nhiều sơ lược ! Huống chi từ bính ngọ (Lê Cảnh-hưng thứ bốn mươi bảy, 1786) trở đi, có việc binh lửa, cựu chương tan-lạc vương-vãi ; mà những sách sót lại còn cất giấu ở những nơi cô gia thế-tộc thì tờ tàn mảnh vụn lại đều bàng tạp sai ngoa, chưa có dấu-mối gì cả.

« Người bàn nói về điển-cố của các triều-đại đến phải ra mập mờ, không biết dựa dẫm và căn-cứ vào đâu ! Thế thì công-việc thập tập kiến văn, phân biệt sự-loại để làm thành một sách về điều hiến há chẳng phải là việc nên làm của kẻ học-cổ hay sao ?» (dịch theo lời tựa sách *Lịch triều hiến chương*).

Rồi tác-giả Phan Huy-Chú nói đến chí-hướng và công-việc làm sách của mình :

« Tôi từ bé biết học, vẫn thường có chí. May nhờ sự dồn chứa của bao đời và công dạy-dỗ của cha, tôi, đối với điển-chương, cũng được ngót sơ đầu mối. Chỉ ân hận rằng sử sách tản-mát, chưa kịp toản-tu và biên-tập ! Tự khi vào núi đến giờ, tôi mới đong cửa tạ khách, cặm cụi tìm tòi. Sau những khi thư khóa rảnh rang, bèn lại khảo-đính tùy theo loại.

« Giản-hoặc nghĩ ngầm có sở đắc điều gì thì lại chép ra những lời nghị-luận. Ngày chứa, tháng dồn, trải 10 năm nay...»

Khi biên lục xong, tác giả chia sách ra làm mười loại chí.

Coi đó đủ biết, trước khi làm sách *L. T. H. C.* tác-giả đã ôm-ấp một chí hướng lớn, và trong khi làm sách, tác-giả đã phải dùng biết bao nỗ-lực và căn-cứ mới đạt được mục đích cao xa ấy.

Một kỳ sau, tôi sẽ mời các bạn đọc cùng tôi theo thứ tự từng loại-chí một mà xét đến nội-dung bộ sách rất quí-báu này.

Tham khảo : *Mai-Trong công tiểu - truyện* của Phan Huy-Chân, *Hiến thư biểu* và *Lịch triều hiến chương loại chí tự* của Phan Huy-Chú, lời « chú » và lời «phụ ân» của Sở chuông đăng Nam-phong phần chữ nho, số 96).

HOA-BẰNG

TRA NGHĨA CHỮ NHO

Số 9

Ứng-Hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

VI.— chữ gi

Ở trang 102 quyển *Tầm nguyên từ-điển*, ông Lê văn-Hòe cắt nghĩa chữ *giá* « là gả chồng cho con gái ». *Từ-nguyên* cắt nghĩa là « con gái đi lấy chồng » (nữ thích nhân giã) : kinh *Lễ* có câu « Nữ-tử nhị-thập nhi giá », con gái hai-mươi tuổi đi lấy chồng. *Thuyết-văn* có câu « Nữ thích nhân giã, nhất viết gia giã, cố phụ nhân vị giá viết qui », con gái đi lấy chồng, có khi gọi là gia ; lấy nhà chồng làm nhà mình, cho nên người đàn bà gọi khi đi lấy chồng là về nhà chồng (vu qui). Tự-vị Khang-hi dẫn một câu *Khúc-lễ* như sau này : « Nữ-tử hứa giá anh ; *chú :* hệ dĩ anh thị hữu sở hệ thuộc giã », nghĩa là cho con gái về nhà chồng, buộc lấy cái giây, tỏ ý ràng - buộc. Như thế thì « gả chồng cho con » là *hứa giá*, không phải là *giá*. Chữ giá còn nghĩa là đi : tự-vị Khang-hi gọi là vãng giã, và dẫn một câu ở *Liệt-tử thiên-thụy thiên* như sau này : « Liệt-tử ở nước Trịnh 40 năm, không ai biết đến, sắp đi sang nước Vệ » (tương giá vu Vệ). Liền đấy tự-vị Khang-hi lại có câu : «Suy ác vu nhân viết giá », đẩy cái ác cho người ta gọi là giá : *Sử-ký Triệu-thế-gia* có câu « Bình-nguyên-quân Báo viết : Thị dục giá họa vu Triệu giã », Bình-nguyên quân tên là Báo nói rằng : « Ấy muốn gieo vạ cho nước Triệu đó ». Xem như thế thì chữ *giá họa* không thuộc vào nghĩa chữ *giá* là lấy chồng. *Giá họa* là dời cái vạ của mình cho người khác : di kỷ họa ư tha nhân giã (chữ *Từ-nguyên*).

Ở trang 103, dưới chữ *giao loan*, nên chua rằng chữ nho phải đặt ngược lên, là *loan-giao*, cũng nghĩa là keo con loan, là con phượng con. Sách *Hán Vũ ngoại truyện* chép « Xứ Tây-hải dâng keo con loan. Dây đàn của Vũ-đế đứt, lấy keo ấy nối thì hai đầu dính chặt lại, cả ngày đem bắn không đứt : Vũ-đế rất vui lòng, đặt tên là tục-huyền-giao », nghĩa là keo nối giây. Nghĩa bóng, tục-huyền là người góa vợ lấy vợ khác.

Trong chữ giao là keo, còn chữ *giao-tất* không thấy chép trong từ điển của ông Lê văn-Hòe. Giao-tất, nghĩa đen là keo sơn, nghĩa bóng là tình bè-bạn gắn bó với nhau : văn-tế nha-phiến có câu « Nghĩa giao-tất dễ quên lòng quyến-cố ». Về lịch-sử địa - dư, có chữ *Giao-châu*, *Giao-chỉ*, cũng không thấy chép.

Ở trang 103, dưới chữ *giằng giả*, nên thêm rằng Nguyệt-lão là tên một vị thần, chủ về việc hôn-nhân sự tích chép trong bộ *Đường-đại tùng-thư* như sau này (sách của Bác-cổ, số P 612, quyển 17, tờ 61 a-63 a), *Tục U-quái lục*, đầu đề là *Định-hôn điếm*, của Lý Phục - Ngôn đời Đường :

« Vi-cố người Đỗ-lăng, lúc bé bồ-côi cha mẹ, sớm nghĩ đường lấy vợ, cầu hôn nhiều nơi không thành. Năm Trinh-quán thứ hai (628) đời Đường Thái - Tôn, đi chơi Thanh-hà, trọ ở điếm phía nam Tống-thành. Có người mách đến hỏi con gái Phan-Phỏng là tiền-tư mã Thanh-hà, hẹn sớm hôm sau đến cửa chùa Long-hưng ở phía tây điếm. Vi-Cố có ý cầu khẩn-thiết, hôm sau đi từ lúc mặt giăng còn sáng, gặp một người già dựa vào cái đẩy, ngồi trên thềm, trông lên mặt giăng, kiểm sách. Vi-Cố xem vào, không biết chữ gì, hỏi rằng : « Lão-phụ tìm sách gì thế ? Cố này từ lúc nhỏ đã chịu khó học, những chữ trong các sách không chữ nào là không biết, cho đến lối chữ (phạm sanserit, thường đọc nhầm là phạn) của Tây-vực, cũng đọc được ; duy có sách ấy, mắt chưa được thấy bao giờ ». Ông già cười, nói rằng : « Đây không phải sách của trần-gian, nhà ngươi làm sao mà thấy được ? » Vi-Cố hỏi : « Vậy thời sách gì thế ? » Ông già đáp : « Sách nói về u-minh ». Cố rằng : « Người chốn u-minh sao đến đây được ? — Nhà ngươi đi sớm, nên gặp ta, chứ không phải là chỗ ta không đến được. Quan ở chốn u-minh u-lại coi việc nhân-gian, lẽ nào lại không đến được nhân-gian ? Nay trên đường cái, nửa người nửa quỉ, tự ngươi không biết đó mà thôi. — Vậy thì ông coi về việc gì ? — Coi về sổ cưới của thiên-hạ ». Cố mừng, nói rằng : « Cố này bồ-côi cha mẹ từ lúc bé, muốn lấy vợ sớm để rộng đường hậu-tự, thế mà đã mười năm nay, cầu hôn nhiều chỗ, đều không vừa ý. Nay có người hẹn đến đây, để đi hỏi con gái quan tư-mã họ Phan, việc ấy có xong không ? — Chưa xong, vợ ngươi mới ba tuổi, đến năm mười-bảy mới về nhà ngươi ». Cố hỏi : « Trong đẩy ông đựng vật gì ? — Cuốn giây đỏ để buộc chân vợ chồng. Dù hai bên thù-hằn nhau, kẻ sang người hèn cách nhau, chân giời góc bể xa nhau đã buộc giây này, thì không lộn được nữa. Chân ngươi đã buộc vào người con gái kia, có cầu chỗ khác cũng vô-ích — Vợ Cố này ở đâu ? nhà làm nghề gì ? — Con gái mụ bán rau ở phía bắc điếm này, — Có thể thấy được không ? — Người đàn bà họ Trần thường ẵm theo đến chỗ bán rau ; ngươi đi theo ta, ta trỏ cho ». Kịp đến sáng, không hẹn mà đến. Ông già cuốn sách vào đẩy mà đi, Cố đi theo đến chợ bán rau, có mụ già chột mắt, ẵm đứa con gái lên ba quần áo rách-rưới bẩn-thỉu. Ông già trỏ vào đứa con gái nói rằng : « Ấy vợ ngươi đó ». Vi-Cố giận nói rằng : « Giết đi có được không ?

— Mệnh người ấy được ăn lộc vua ; vì con mà được thực ấp, thì giết sao được ? » Ông già bèn biến mất. Cố mài một con dao nhỏ, bảo đứa ở rằng : « Mày vốn quen việc, mày vì ta giết đứa con gái kia, ta cho vạn tiền ». Đứa ở vâng. Sớm hôm sau, bỏ dao trong tay áo, đi vào chợ bán rau, đương khi đông người, đâm một nhát, rồi chạy. Cả chợ ồn-ào, ẵm đứa con gái chạy được thoát. Khi đứa ở về, Cố hỏi rằng : « Đâm có trúng không ? » Đứa ở đáp : « Lúc đầu định đâm vào bụng, chẳng may mới trúng ở chỗ mi mắt ». Sau Cố cầu hôn mãi, đâu cũng không thành. Cách mười-bốn năm nữa, Cố lấy chân ấm của cha, được bổ tham-quân ở châu Tương ; thứ-sử là Vương-Thái sai chuyên về việc tra ngục ; vì cho là người giỏi, gả con gái cho. Người con gái ấy độ 16 17 tuổi, nhan-sắc rất đẹp, Cố lấy làm thỏa chí lắm. Người con gái ấy thường đeo hoa (*hoa-điền*) ở đuôi con mắt, lúc tắm gội cũng không bỏ. Cố biết ý, hỏi gặng mãi ; vợ nói : « Thiếp là con nuôi quan quận-thú đây, chứ không phải con đẻ. Nhớ xưa cha thiếp làm quan tề ở Tống-thành, mất tại chức, thiếp hãy còn phải ẵm, mẹ thiếp cũng mất, duy còn một cái trại ở phía nam Tống-thành, cùng ở với nhũ-mẫu là họ Trần. Bà họ Trần sớm tối làm nghề bán rau, cũng đủ nuôi nhau. Bà thương thiếp bé, không nỡ bỏ một mình ở nhà. Khi lên ba, ẵm ra chợ bán rau, không ngờ bị đứa cuồng-tặc đâm phải, dấu dao hãy còn, nên phải lấy hoa che lấp đi. Bảy tám năm nay, vì chủ tòng sự ở đây, thiếp được theo hầu, nên mới nhận làm con gái gả cho ngươi ». Cố hỏi rằng : « Bà họ Trần đó có phải chột một mắt không ? » Vợ nói rằng phải, và hỏi sao biết. Cố nói : « Chủ mưu đâm ấy là Cố đây ». Vợ hỏi rằng : « Sao lại lạ thế ? » Bèn đem hết câu chuyện kể ra. Hai vợ chồng lại càng kính mến nhau lắm. Sau sinh con giai là Côn. Côn làm thái-thú ở Nhạn-môn. Mẹ Côn được phong làm Thái-nguyên-quận thái-phu-nhân. Thế mới biết âm-chất đã định, thì không thể đổi được. Quan tề Tống-thành nghe chuyện, đề tên điểm ấy là « Định hôn điểm ».

Ở trang 105, quyển *Tầm nguyên từ điển*, dưới chữ *giấc mộng hoàng-lương* là mộng kê vàng, nên chua rằng chuyện *Hoàng-lương mộng* cũng có khi gọi là *Hàm đan mộng*. Bộ *Đường-đại tàng-thư* (quyển 15, tờ 47 a-50 a) đề là *Chẩm-trung ký* nghĩa là Bài ký trong gối, của Lý-Bật đời Đường. Chuyện này cũng như chuyện trên kia, chưa ai dịch đủ, chỉ thấy tóm-tắt, nên có chỗ lạc nghĩa ; nay chúng tôi dịch toàn chuyện như sau này : « Năm Khai-nguyên thứ 19 (tức là năm 721 sau kỷ-nguyên (đời Đường Huyền-tôn, đạo-sĩ họ Lã đi trên con đường Hàm-đan, vào trong một cái quán, đặt giường, giải chiếu, khoác đẩy, ngồi một mình. Một chốc có một thiếu-niên trong làng là Lư-sinh, mặc áo cừu ngắn, cưỡi ngựa thanh câu, sắp ra thăm ruộng, cũng vào nghỉ trong quán, cùng ông họ Lã tiếp chuyện, nói cười rất là vui-vẻ. Một lúc lâu, Lư-sinh ngó lại quần áo rách-rưới, than rằng : « Đại trượng-phu sinh ở đời, chẳng được sung-sướng, mà khổ như thế này ư ? » Ông họ Lã nói : « Ta trông ngươi, da người sáng-sủa, hình-thể khỏe mạnh, nói cười vui sướng như thế, mà than là khốn-khổ là cớ sao ? » Lư-sinh đáp : « Tôi sống như thế này là sống tạm, chứ có thích gì đâu ? » Ông họ Lã nói :

Xem tiếp trang 9

Tri-Tân sẽ lên giá kể từ 1er Aout 1942

Vì giấy in báo càng ngày càng đắt, và tổng phí về việc làm báo mỗi ngày một tốn hơn, nên các báo ở Nam đều phải tăng giá, mà các bạn hằng ngày ở Bắc đây cũng đều ra có hai trang.

Đứng trước tình thế khó khăn này, bản chí cũng không thể cứ làm một việc hi sinh vượt quá sức mình mãi nên cần phải trông mong ở sức cộng tác của các bạn đọc.

Không muốn làm việc rút trang, tất phải nhích giá thêm lên đôi chút cho khỏi lỗ. Vậy bắt đắc dĩ kể từ 1-8-1942 đây, giá báo sẽ tăng và tính như sau :

Một năm	6 tháng	3 tháng
8$50	4$50	2$35

Bán lẻ *mỗi số 0p20*

Ngoại quốc và công sở tăng gấp đôi

Tuy vậy đối với các bạn nam nữ học sinh bản chí cũng sẵn lòng tính bớt 20%.

Còn các bạn đọc ai mua và giả tiền trước ngày 1er Août 1942 cũng vẫn theo giá cũ là :

Một năm	6 tháng	3 tháng
6$80	3$50	1$80

Một khi các bạn đã có lòng yêu mà đứng bên ủng hộ, chắc cũng không kỳ quản gì về sự thêm lên mấy xu ấy.

Vậy mong các bạn đọc vui lòng thể tất cho. Đa tạ trước.

TRI-TÂN

Cách xếp đặt chữ nho trong Tự-điển

ĐÀO TRỌNG-ĐỦ

PHÂN-loại hán-tự (1) là cốt để xếp-đặt chữ nho trong tự-điển theo một cách nhất-định, để tra cứu cho tiện, dễ-dàng và đỡ nhầm. Thí-dụ hai chữ Giang Sơn 江山, ta có thể theo năm cách sau này mà phân-biệt :

1.) Theo âm, nghĩa là xếp chữ Giang vào vần G, chữ Sơn vào vần S.

2.) Theo cách viết, hoặc theo thứ-tự các nét trong khi viết, như chữ «giang» nét đầu là nét chấm thì xếp vào bộ «điểm», chữ «sơn» nét đầu là nét sổ thì xếp vào bộ «trực». Hoặc theo số nét khác nhau, như xếp chữ «giang» vào bộ sáu nét, chữ «sơn» vào bộ ba nét ;

3.) Theo hình-dáng chữ khác nhau. Thí-dụ chữ « sơn » ba nét viết liền với nhau thành *một* mảng, chữ «giang» sáu nét viết rời-rạc làm *bốn* mảng ;

4.) Theo cỗi-rễ từng chữ mà phân-loại.

Ngoài bốn cách kể trên, còn một cách nữa là «hiệu mã phân loại». Đại-khái cũng theo cách viết và hình-dáng từng chữ, nhưng khác hai cách này ở chỗ chia các nét ra mười bút hoạch, lấy mười con số đầu từ 0 đến 9, mà thay vào, rồi viết thành ra một số *biểu hiệu*. Xếp-đặt chữ nho trong tự-điển, sẽ theo những số biểu-hiệu ấy, nghĩa là theo một thứ-tự tự-nhiên.

Ô mai **Tiến Lợi** *ngon lành*
Và lơ **Tiến Lợi** *nổi danh ở đời*
Bốn trăm linh bảy Bạch-mai. Hỏi thăm cho đến tận nơi mua dùng

A· Đồng-âm phân-loại

Đồng-âm phân-loại có bốn chỗ khuyết điểm :

1) Không được tự-nhiên, vì chữ với âm không có gì là liên-lạc. Thí-dụ «nét phẩy với nét mác chụm vào nhau»: ta đọc là nhân, Quảng-đông đọc là yằn, Bắc-kinh đọc là rằn, Nhật-bản đọc là jin, là hito, đọc bấy-nhiêu lối đều được cả, không một cách nào là do lẽ tất nhiên.

2.) Không được thông-dụng, Tự-vị tầu xếp-đặt theo cách này, ta không dùng được : Trái lại, theo giọng ta mà phân-loại hán-tự, đối với người tầu lại không có giá-trị gì, vì nhiều chữ giọng ta đồng âm, giọng quảng-đông lại đọc khác nhau, thí-dụ chữ «thái» là lớn, với chữ «thái» là rau, người Quảng-đông đọc là thai và ts'ôi, chữ dân 民 vần d, và chữ văn 文 vần V, theo giọng quảng-đông phải xếp cả vào vần M... Vậy cách đồng-âm phân loại không dùng phân loại hán-tự được, gọi là phân-loại chữ nho, chữ quảng đông, chữ bắc kinh có lẽ đúng hơn (1)

3) Đồng âm tự điển tra không được tiện, vì chữ nào khó mới phải tra mà đã không biết nghĩa, phần nhiều không biết cả cách đọc.

4) Cách đồng âm phân loại không được nhất định, mỗi thời một khác ; chữ «bình» 平 bây giờ ta xếp vào vần B, biết đâu vài ba trăm năm về sau, không đổi âm đi và phải xếp vào vần Ph chẳng hạn.

Tuy vậy, đồng âm tự điển vẫn thấy thông dụng : tự vị Đỗ văn-Đáp, Từ điển Đào duy-Anh đều xếp đặt theo lối ấy cả. Là vì đồng âm phân loại, dù không phải một cách phân loại đích đáng, cũng là một khí cụ rất tiện lợi cho người muốn luyện tập quốc văn. Nhưng có một điều đáng tiếc là bao nhiêu tự vị từ điển đã xuất bản, đều theo thứ tự hai mươi nhăm chữ cái, nghĩa là lấy thủ âm (sons consonnes) làm cốt. Chưa thấy tác giả nào lấy vĩ-âm, nghĩa là chia tự điển ra mười một mục, theo mười một chữ mẫu tự A Ă, Â, E, Ê, I, hoặc Y, O, Ô, Ơ, U, Ư. Trong tự-điển xếp đặt theo lối mới ấy, mục A sẽ chia ra : vần «A», có những chữ a 阿, á 亞, ba 巴, bà 婆, ca 歌, cá 個... vần «Ác», có chữ ác 惡, chữ bác 博, chữ các 各 .. Cứ thế mà xếp đặt cho đến vần Ao, vần Áp, vần Át. Mục Ă sẽ chia ra vần Ăc, vần Ăng... Cách tra cũng không khó gì hơn tra tự vị khác : thí dụ muốn tra chữ loan, phải bỏ chữ L đi, rồi tìm vần Oan, mục O.

Cách xếp đặt theo vĩ-âm có phần tiện lợi hơn theo thủ âm, vì thủ âm không mấy khi đoán đúng. Thí dụ chữ « nhân bằng chữ cố», có ngờ đâu ở vần T, nhưng đã học qua chữ cổ 古, chữ cô 姑 rồi, tất nhiên ai cũng nghĩ đến vần Ô. Còn những chữ mình ngờ nhầm tr với ch, d với gi, s với x, tra đồng vận tự-điển lại càng dễ thấy, chỉ trang trên trang dưới là thấy ngay, vì tr với ch, d với gi... không cách quãng nhau xa như các tự-vị khác.

Dưới đây xin xếp thử hai vần, để độc giả xem cách đồng vận phân loại tiện lợi là thế nào,

Mục Ă	Mục Ô
Vần A	*Vần Ô*
Vần này có mấy «khuôn tiếng» (2) chính nên nhớ : có thể đọc theo vần I, như 也,皮,多,可... có thể đọc theo vần Ô, vần Ư, như : 且, 者...	«Những «khuôn tiếng chính nên nhớ : có thể đọc theo vần Ư, vần A như : 且, 者 .. có thể đọc theo vần Ư, như : 甫, 無. . . . .
A 阿 Ca 歌	Ô 污
Á 亞 Cà 袈	Bô 晡
Ba 巴 Cá 個	Cô, Cố, Cồ, sau hết cả những chữ thuộc về vần Cô,
Ba 波	. . . . . chép chữ :
Bà 婆	涸 xem vần Hạc
Bá 伯	個 xem vần Cá

Đại khái đồng vận tự điển, nên xếp đặt như hai vần xếp thử trên này. Mỗi vần, bắt đầu nên nói tóm tắt về những khuôn tiếng chính nên biết, và nên xếp tất cả những chữ người mới học có thể đoán nhầm được. Thí-dụ ; vần Ô, xếp cả chữ cá 個 chữ hạc 涸 và chua thêm câu : «xem vần cá, xem vần hạc» vần thanh, chép cả chữ thiến 倩 và chua thêm câu : xem vần thiến ..

Ngoài phương diện phân loại hán tự, cách xếp đặt tự điển theo mẫu tự còn bổ ích cho ngôn ngữ học, vì có thể làm cho ta hiểu thêm về sự chữ tầu biến hóa ra chữ nho. Xếp đặt theo thủ âm thấy chữ nho và tiếng nôm hình như lẫn lộn với nhau, chỉ có vần R vần G là tuyền nôm.

Xếp đặt theo mẫu-tự thấy khác hẳn : hình như chữ nho và tiếng nôm xa cách nhau ra. Có vần gần hết là chữ nho, như vần Ưu, trừ chữ khửu tay là tiếng nôm. Có vần tuyền nôm, những vần này rất nhiều : mục A như au, ay, mục E như e, em, en... mục O, như o, oi, om... Muốn so-sánh tiếng tàu và chữ nho, cần phải có cả hai thứ tự-vị : thủ-âm tự-điển và vĩ-âm tự-điển Đây là tôi nói về sự bổ-ích cho ngôn ngữ học, Về phương-diện phân loại hán-tự, thì dù theo thủ-âm hay vĩ-âm, cũng không phải là một phương-pháp hoàn-toàn.

B. — Bút-hoạch phân-loại

Bút-hoạch phân - loại có hai cách : bút-số phân-loại (classifications calligraphiques quantitatives) và bút-hình phân-loại (classifications calligraphiques qualitatives).

1) Bút-số phân-loại

Bút số phân loại lấy số nét làm cốt : chữ một nét xếp với nhau, chữ hai nét xếp với nhau, vân vân... Vậy trước hết phải biết nét là gì ? — Tác-giả tự điển phần nhiều cho rằng ai cũng hiểu, nên không cần giảng nghĩa một cách rõ ràng. Còn gì dễ hiểu bằng chữ *nhất* một nét, chữ *nhị* hai nét, chữ *tam* chữ khẩu ba nét. Nhưng phải hiểu ngầm rằng viết ngang bằng sổ ngay và theo một bút pháp nhất định, vì chữ *khẩu* viết chân phương có ba nét, viết thảo có một nét, lấy bút và thước kẻ ra một ô vuông tất nhiên thành bốn nét. Vậy hán tự nhiều nét hay ít nét, là tùy ở *cách viết*, tùy ở *thể chữ*.

Đếm nét mà phân loại hán tự, xưa nay vẫn theo một thể chính, người Tàu gọi là « khải thư » 楷書. Tuy vậy, nhiều chữ, mỗi người đếm một khác, theo Vương Vân Ngũ, tác giả quyển « Vương Vân ngũ đại từ điển» những chữ ấy có đến hơn một nghìn. Là vì :

1· Cùng theo một thể mà viết vẫn khác nhau. Thí dụ ; chữ *tệ* 弊 tác giả quyển « Les Caractères chinois », tính có bảy nét, vin lẽ rằng chữ tệ là vải rách, do chữ cân là vải, và hai chữ bát, để chỉ những chỗ rách, des trous, des solutions de continuité. Wieger cắt nghĩa như vậy, rồi bẻ Khang Hy tính tám nét là vô lý. Có lẽ Wieger quên rằng chữ *tệ* có hai cách viết :

a) Viết làm ba nấc : trước nhất chữ *bát* 八, sau đến chữ *cân* nét sổ viết ngắn đi một chút, sau cùng chữ *bát* nữa, hai nét chen vào hai nách chữ *cân*. Theo lối này bảy nét.

b) Viết làm ba nấc : trước hết chữ *tiểu* 小 sau đến chữ *quỳnh* 冂 sau cùng chữ *tiểu* nữa ở trong Lối này tám nét. Xem quyển « Dictionnaire Cantonnais-français » Luois Aubazac thấy hai chữ *tiểu* rõ ràng.

Hai cách viết được cả. Cách trên dựa vào cỗi rễ. Cách dưới dựa vào hình-dáng chữ *tệ* hơi giống chữ *thượng* 尚 Chữ *khẩu* ngày xưa hình tròn một nét, bây giờ thành ra hình vuông ba nét. Vậy nét sổ chữ *cân* có gẫy ra làm đôi cũng không sao.

2· Khi viết thường ngắt một nét ra làm hai. Thí dụ :

chữ *huyền* 玄 nét ngoặc viết ⌐ thành nét phẩy với nét chấm ⌐ hơn tự-điển một nét.

chữ *nha* 牙 nét ngoặc ⌐ viết thành nét chấm với nét ngang ⌐ hơn tự-điển một nét.

chữ 致 *trí* chữ 攵 chỉ viết nhầm ra chữ 夂 bộ bộc 攴, cũng thêm một nét.

Trái lại, nhiều khi hai nét viết

Xem tiếp trang 17

Tra nghĩa chữ nho

Tiếp theo trang 6

« Như thế mà chẳng cho là thích, thì thế nào mới là thích ? » Lư-sinh nói : « Có dựng được công-nghiệp lớn-lao, ra tướng võ, vào tướng văn, bầy vạc mà ăn, kén tiếng mà nghe, khiến cho họ hàng càng ngày càng to, đồ vật trong nhà đủ dùng, như thế mới có thể gọi là thích. Chí tôi cốt học để ra đời thi - thố, đáng lẽ lúc tuổi trẻ đã giật được áo xanh áo tía, nay đã quá tuần tráng thất, mà hãy còn cặm-cụi ở đồng ruộng, chẳng phải khốn-khổ là gì ? » Nói xong, mắt lim-dim muốn ngủ. Lúc bấy giờ chủ-nhân đương nấu nồi kê (hoàng-lương). Ông họ Lã bèn mở đẫy, lấy gối đưa cho Lư-sinh, bảo rằng : « Ngươi gối vào đây, sẽ được vinh-thích như ý ». Gối ấy bằng xành mà hồng hai đầu, Lư-sinh ngả đầu, gối vào ngủ. Trong khi ngủ, thấy lỗ hồng ấy lớn mà sáng, có thể ở được. Cất mình vào, bèn đến nhà, rồi thấy mình cưới người Thanh-hà họ Thôi làm vợ. Người con gái ấy dung-nhan rất đẹp, mà tiền của rất nhiều. Từ đấy áo mặc và đồ phục-ngự ngày càng xa-xỉ. Năm sau thi tiến-sĩ, đỗ bảng-giáp, bổ chức hiệu-thư-lang, ứng chế được bổ chức huyện-úy ở Vị-nam, rồi thăng giám-sát ngự-sử khởi-cư xá-nhân, làm chức chế-cáo, ba năm ra làm quan Đồng-châu, rồi chuyển ra Thiềm-châu. Lư-sinh là người hay lập công, đào con sông ở Thiềm-tây, dài 80 dặm, để tiện đường giao thông : người trong nước được nhờ, lập bia tụng công-đức ; sau thăng chức thái-phỏng-sứ đạo Lĩnh-nam ở Biện-châu, rồi vào kinh làm kinh-triệu-doãn. Bấy giờ đời vua Thần-Vũ, có việc với các nước di-địch, tiết-độ-sứ ở Qua-sa là Vương Hoán-Tân bị thua chết. Vua bèn thăng Lư sinh làm ngự-sử trung-thừa, lĩnh chức tiết-độ-sứ ở Lũng-hữu, đạo Hà-tây. Lư - sinh đánh tan được quân giặc, mở được cõi đất chín trăm dặm, đắp ba thành lớn, để phòng chỗ sung-yếu, người Bắc - biên đều được nhờ, khắc bia ghi công. Về triều bàn công, ân lễ rất hậu, thăng ngự-sử đại - phu, Lại-bộ thị-lang. Người cương-trực, nên phải tể-tướng bấy giờ ghen ghét, rao lời nói bậy, đến tai vua, bị giáng làm thứ-sử Đoan-châu. Ba năm lại vời về, thăng Hộ-bộ thượng thư, không bao lâu phong làm trung-thư thị-lang đồng trung-thư môn-hạ bình-chương-sự. Cùng với quan lệnh là Tiêu - Tung và quan thị-trung là Bùi-quang-Đình đều coi đại-chính. Mười năm gia-mưu mật-mệnh (mưu tốt và mệnh-lệnh bí-mật của vua), một ngày ba lần hiến thế (tâu việc xong rồi lại tâu bỏ đi), tự nhận là hiền-tướng. Các quan cùng hàng ghen - ghét mưu hại, bèn vu cho cùng với tướng giặc giao-kết, để toan việc bất - quĩ (chẳng đúng phép), vua truyền bỏ ngục : phủ-lại dẫn thuộc-hạ đến bắt rất gấp. Lư-sinh sợ-hãi vô-cùng, khóc bảo vợ con rằng : « Ta vốn người Sơn-đông, có vài thửa ruộng tốt đủ khỏi đói rét : việc gì cầu lộc mà nay khổ đến thế này ? Nghĩ lại muốn mặc áo cừu ngắn, cưỡi ngựa thanh-câu, đi trên con đường Hàm-đan cũng không được nữa ! » Bèn cầm dao, muốn tự-sát, nhưng vợ giằng ra. Sau có người giúp-đỡ tâu vua, Lư-sinh khỏi chết, ra làm quan mục ở Hoan-châu Được vài năm vua biết là oan, lại khai phục làm trung-thư-lệnh, phong Triệu - quốc - công : ân - chỉ rất hậu, hiền - hách một thời. Sinh năm con, đều đỗ làm quan ; thông gia đều là vọng-tộc, có cháu hơn mười người Lư-sinh hai lần bị đầy ra Lĩnh-biểu, hai lần được vào chỗ đỉnh-nại, ra vào trong ngoài, ngôi cao chốn đài-các, hơn ba-mươi năm công-nghiệp hiển-hách, đời bấy giờ không ai bì kịp ; vua cho ruộng tốt, nhà cửa, người ngựa, không thể kể xiết. Mấy năm sau về già, thường xin cáo lão không được. Kịp khi bị bệnh, các quan đến hầu thăm chật đường, các thầy thuốc đến chật nhà. Khi sắp mất, dâng sớ rằng ; «Tôi vốn là kẻ thư sinh ở Sơn-đông, lấy ruộng vườn làm vui, tình cờ gặp Thánh vận, được dự hàng quan, ơn vinh tột bực, ra ngoài thì giữ cờ tiết - việt, vào trong thì ở ngôi đỉnh-phụ, chu toàn trong ngoài, kể đã nhiều năm tự thẹn không ích gì cho Thánh - hóa, như tới vực sâu như giẫm vàng mỏng, ngày biết một ngày, không biết già đã sắp đến. Nay tuổi ngoài 80, ngồi ở tam-công, như đồng-hồ đã cạn, gân sức đều mỏi, đành phụ ơn sâu, vĩnh - từ Thánh-đại. Rất lấy làm cảm - kích, xin dâng biểu-tạ. » Vua ban tờ chiếu rằng : « Nhà ngươi là bực tuấn-đức làm nguyên-phụ cho trẫm, ra giữ chốn Hùng - phiên, vào giúp ngôi thịnh-trị, thực nhà ngươi giúp trẫm nhiều. Nay nhân bị bệnh, tưởng ngày sẽ khỏi, ngờ đâu trầm trọng lâu thế ! Nay sai Kiêu-kỵ đại tướng-quân Cao lực-sĩ, tới nhà hầu thăm. Ngươi cố châm-chính cho chóng khỏi. Trẫm mong rằng không thuốc mà có tin mừng. » Tối hôm ấy mất, (Từ đây trở lên là mộng cả). Lư sinh vươn vai tỉnh dậy, thấy hãy còn nằm trong quán cạnh đường nhìn ông họ Lã ở bên cạnh, chủ nhân nấu nồi kê chưa chín. Thở dài mà nói rằng : « Há có phải là mộng chăng ? » Ông họ Lã cười mà bảo rằng : « Việc ở đời này đều như thế cả ! » Lư-sinh lấy làm buồn, giờ lâu tạ nói rằng : « Ôi ! cái số vinh nhục, cái lẽ đắc táng, cái tình tử-sinh, tôi đã biết hết. Ấy là tiên-sinh ngăn lòng dục cho tôi đấy : dám đâu chẳng thụ-giáo». Lạy hai lạy rồi đi ».

Nước nào cũng có những chuyện truyền kỳ nhuộm màu lịch-sử như hai chuyện trên kia : ai muốn biết căn-nguyên, xin xem quyển *La formation des légendes* của ông Arnold van Gennep, in trong bộ *Bibliothèque de philosophie scientifique*.

Ở trang 107, dưới chữ *giới - kệ*, ông Lê-văn-Hòe cắt nghĩa *kệ* « là mốc đá hình tròn ». Nên theo *Từ-nguyên* chữa là « hòn đá đứng một mình : vuông là bi (tức bia), tròn là kiệt (người ta thường đọc nhầm là kệ) ; một nghĩa nữa là núi đứng một mình. »

Còn nữa

Ứng-hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

Bia Văn-miếu

Những ông nghè triều Lê

Số 28 **Ứng-Hòe NGUYỄN VĂN-TỐ**

HAI ông đề điệu khoa bính-tuất năm quang-thuận thứ bảy (1466) là ông Lê-cảnh-Huy và ông Nguyễn-như-Đỗ

Ông Nguyễn-như Đỗ *chép trong* Tri-tân, *số 28, trang 5, và số 47, trang 9.*

Ông Lê-cảnh-Huy *thì có chỗ chép là Lê-cảnh-Trưng, như quyển* Lê-triều lịch-khoa tiến-sĩ đề danh bi-ký *của Cao-Viên-trai, sách viết của Bác-cổ, số A 109, tờ 16b Trên mặt bia Văn-Miếu thì khắc là Lê-cảnh-Huy. Ông là người huyện Lôi-Dương. Đầu năm Điên-ninh 1454 sang Tàu cầu-phong Đầu năm Hồng-Đức (1470) thăng Hộ-bộ thượng-thư. Phụng-mệnh định cách thức bản-đồ và thư-khế. Rồi thăng Thái-phó Kiến-quận-công chép theo* Đại-Nam nhất thống chí *sách viết của Bác-cổ số A 69 quyển* Thanh-hóa, *tờ 48 b. « Tháng chạp năm Quang-thuận thứ nhất 1460, vua Lê-Thánh-Tôn (1460-1497) dụ quần-thần rằng : « Lũ Lê-cảnh-Huy, Nguyễn-như-Đỗ, Phạm-Du đều là người a-dua cầu-thả : ra chốn triều-đình mà bàn-luận, thì ngồi im không nói ! Duy có lũ Nguyễn-Mậu, Trần-Thốc, Nguyễn-Thiện là người ưu-quân ái-quốc, gặp việc gì nói hết, nên hôm nọ Nguyễn-Mậu nói việc không thực, mà trẫm cũng không bắt tội : vì Nguyễn-Mậu là người hay nói thẳng nên trẫm ban cho cái đặc-ân ấy. » (chép ở* Khâm-định Việt-sử thông-giám cương-mục, *quyển 19, tờ 15 a.) Mùa hạ tháng tư năm Quang thuận thứ sau 1465, Tỳ binh viện thượng-thư Lê-cảnh-Huy tâu : Phàm quan ngoại-tỉnh can tội, nếu tội nhẹ thì tư ra cho biết bắt cung rõ ràng, đưa về định nghĩ; nếu là tội nặng, phải tâu vua nghe mới được bắt về xét Vua nghe theo » chép ở* Việt-sử cương-mục, *quyển 19, tờ 32b.*

Hai ông đề-điệu thì thế. Còn ông Giám-thế là ông Trần-Bàn. Cứ thực ra thì trên mặt bia văn-miếu trông không rõ tên Quyển Lê-triều tiến-sĩ đề danh bi-ký. *(sách viết của Bác-cổ, số A 109, tờ 16b viết là Trần-Bích. Chữ Bích với chữ Bàn viết hơi giống nhau. Nhưng sử không thấy chép Trần-Bích, chỉ chép Trần-Bàn như sau này : « Người Từ-sơn, Quế dương ; đỗ đồng tiến-sĩ khoa nhâm-tuất năm Đại-bảo thứ ba 1442 ; làm quan đến Đông-các-đại-học-sĩ, ngự-sử đại-phu. Năm Quang-Thuận thứ ba 1462, vua Lê-Thánh-Tôn sai Lê-công-Lộ sang nhà Minh tạ về việc du tế, Trần-Bàn tâu việc tấu sự. » chép theo* Đăng khoa lục, *quyển 1, tờ 5b, và* Việt-sử cương-mục, *quyển 19, tờ 23a-b.*

Ba ông đọc quyển khoa bính-tuất 1466 là ông Nguyễn-Trực, Nguyễn-cư-Đạo và Vũ-vĩnh-Trinh

Nguyễn-Trực *xem* Tri-tân *số 28, trang 5, tên tự là Công-đình, người làng Bối-khê, huyện Thanh-oai, con ông Thi-Trung. Năm 18 tuổi thì hương đỗ thứ nhì. Năm 26 tuổi đỗ trạng-nguyên khoa Nhâm-tuất hiệu Đại-Bảo thứ ba, 1442 đời Lê-Nhân-Tôn (1452 1459). Bổ làm Hàn-lâm trực-học-sĩ, thăng chức An-phủ-sứ ở lộ Nam-sách-thượng, rồi thăng thị-giảng. Năm Thái-hòa thứ ba 1445 thăng trung thư thị-lang. Trong năm Điên-ninh 1454-1459 nhà Minh sai sứ là Hoàng-Giản sang nước ta. Nguyễn Trực làm những bài thơ-từ đi lại, và bài biểu-mừng vua Tàu lên ngôi Hoàng-Giản khen nước ta có người giỏi, Khi về có làm 14 vần thơ lưu biệt. Nguyễn-Trực vâng mệnh họa ngay : Vua Nhân-Tôn lại càng hậu đãi, sai Trung-sứ Đồ-họa-cục tới vẽ tượng ông, treo ở tả-hữu và tự tay viết bốn chữ « Bối-khê-biệt-thự ông treo ở tư-đường. Ông thăng Hàn-lâm-viện học-sĩ, rồi đến năm đầu hiệu Quang-thuận 1460, vua vời về giữ chức Trung-thư-lệnh, đai việc tam-quán. Năm thứ bầy 1466 vì có tật xin về Tây-sơn thảo cường, vua không cho, ông có bài thơ rằng :*

« Bệnh thừa ân-chiếu hứa lưu kinh.
« Qui-kế như kim nhất vị thành
« Hà nhật Tây-sơn sơn hạ lộ ?
« Soa-y tiểu-lạp khán xuân canh. »

Nghĩa là : Có bệnh mà được ân chiếu ở kinh, như thế thì là kế xin về từ nay không thành. Bao giờ được đi về con đường dưới núi Tây-Sơn, mặc áo tơi đội nón nhỏ xem dân cày trong buổi mùa xuân?

Lại có một bài thơ nữa như thế này :

« Đại-đình tằng đối tam thiên sách,
« Phi-thế hư kinh ngũ thập niên
« Bất thị vô tâm lai cấm-sảnh,
« Chỉ nhân đa bệnh ức điền viên »

Nghĩa là : Chốn đại-đình từng đối đáp đến ba nghìn kế. Cái hư-danh ở trên đời như mây nổi, đến 50 năm mới dật mình tỉnh dậy. Chẳng phải là không có lòng đến cấm-sảnh, chỉ vì nhiều bệnh nên nhớ chốn điền-viên.

Năm Hồng-đức thứ nhất (1470) vua Lê Thánh-Tôn 1460-1497 đi đánh Chiêm-thành Champa ; phàm chiếu, sắc, chế, cáo, xá-văn, hạ-biểu, đều tay ông Nguyễn-Trực soạn cả.

Ông sai học trò chép những bài cổ-kim, tứ-lục, kinh nghĩa của ông làm ra, đề là Ngu-nhàn-tập ; *có tập đề là* Kinh nghĩa biện biên tập. *Sau gồm cả lại là* Vu liêu tập

Xem tiếp trang 14

Tài-liệu để đính-chính những bài văn cổ...

Số 32 Ứng-Hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

CXI

Văn tế vợ của chức võ phân-xuất huyện Nam-chân

(Bài nối) (1)

NGỜ nên nỗi chiếc đơn gối nệm, mà phận nhỡ nhàng luống chịu, bàn hơn vui ít để buồn nhiều, thì trước dừng dan-díu chỉ tơ, kẻo công gây dựng chưa cam, thêm lệ xấu đều hơn tốt lỗi. Sự chi thường xiết kể tẻ cũng vui điều dĩ vãng lọ bàn may với rủi. Gẫm lại đã dành cho kẻ khuất, tay chưa non-bồng hay nước nhược, song trần ai từ đấy đã không rồi ; suy ra khi hồ chút người còn, há rằng mê nẻo lợi với đường danh, mà thành thị buổi này thêm ngán nỗi. Tái cơm giá áo, ngồi đứng bẽ-bàng ; cửa mốc sân rêu, ra vào lủi thủi. Buồng xuân cũ ong dồn bướm giã, phất-phơ trước liễu gần năm ngồi ; ngón cầm xưa hạc ủ loan ngây, khắc khoải trong sương quyên trật mối. Ngọn đèn hủ - thảo giòng bên tường, tay lưới thanh tràng dăng trước suối. Lều độn thế mới gên chòm bích-thảo, chớ chi cái khách trước rèm kêu ; gối du-tiên vừa chợp thấy thanh-y, thì đã con oanh đầu nói gọi. Cảnh tiêu - tao người thấy cảnh rầu rầu, người thê-thảm cảnh chiều người giỗi - giỏi. Nương gối mong tìm trong giấc bướm, bướm ngần-ngơ mà người đã thăm-thẳm, ngao-ngán nhẽ ! Sương thì tiêu, mây thì tán, hoa thì rụng, nguyệt thì tà : dỏ gươm muốn hỏi dưới hồn loan, loan ẻ-ẻ mà bóng để mờ - mờ bát-ngát hay ! Hương để mốc, phấn để meo, sầm để long, tranh để bụi.

Thôi thì thôi ! Châu rơi rốn bể, phẳng-lặng khôn dò ; sao lần dù giời mịt-mù dễ bói. Trâm ngọc phải đường kêu thủy quốc, dẫu bể kia sâu mấy trượng cũng liều ; bút son có nhẽ gửi Thiên-tào, thì mệnh ấy phỏng trăm quan cũng đổi. Vì tác-nhân còn ngại chút chưa đành ; nhưng trần thế có thông chi xá khỏi. Phần vì đức cao dày cảm đội nợ anh còn chịu đấy chưa đền xong ; phần vì tình trứng nước đeo mang, dẫu em để lại cho nào dứt khỏi. Chữ tô-duyên cam trước đã thẹn - thò, câu hữu-đức tưởng sau càng mong-mỏi. Dây cà-cát gây nên sẵn xạ san hương, đành cảm nghĩa ngoài mười năm ân-ái, chồi hoa nở tựa bên màn thấp-thoáng, những sương gieo vì chút phận muộn màng ; đoá chi-lan để lại vun sương bón tuyết, dám xứng tình trong chín chữ cù-lao, gọi máu rơi còn trong đống u-ơ, hãy chăm - chút để nên ngày son-sổi. Đã cậy Hoàng-thiên có mặt, gương nghĩa ngẩm lâu dài ; xá thù Nguyệt lão đang tay, tơ duyên xe trật mối. Kiếp ấy dù quên hay nhớ, sum-họp bấy nhiêu năm trước, quãng bán-đồ mà nước chảy hoa trôi ; giăng kia đã khuyết lại tròn, ước ao trăm nghìn tuổi về sau, chữ đồng huyệt lại vàng tương đỏ chói. Rày nhân đường đạo vin lề, lễ nhà theo thói. Giếng ngọc giăng thường tuôn thảm, xuống mặt phép trông bóng Triệu phất-phơ ; hiên tây gió cuốn thổi sầu, lên tai ngại lắng ca cao 2 ánh ỏi. Khác bi-ai đàn-đụn thấp như dần, hàng thảm - thiết dòng dòng tuôn ngỡ suối. Hương - hồn có vẻ đây chăng có, hay vần-vơ bên chiếu những mơ-màng ; tàn-cốt còn để đấy cũng như còn, nấy bao nả càng anh cho gần gụi. Trâm vàng bội ngọc tưởng đăm - đăm ; giăng bạc giời xanh tình giỗi-giỗi. Ai-oán nhẽ ! Ân tình bao giả được, cùng buổi ấy hẳn còn thông buổi khác, hãy cho trong bát nước mảnh gương ; tiếc hồ thay lẽ nghĩa kịp cơn này, bạc khi này nào biết hậu khi nọ, gọi là chút lưng rau đĩa muối. Ngập ngừng còn hồ với quan chiêm, ay-náy những thẹn trong đầy đội. Bi thiết chữ «nhất thốn tâm, thiên vạn cổ» 3, hương-đăng một nén rã đôi hàng ; cảm cảnh câu «tam xích thổ, bách niên phần» 4, chỉ-thảo ba hàng đưa chín suối.

Trích ở quyển *Lệ-ngữ văn tập*, sách viết bằng chữ nôm của Trường Bác-cổ số AB 166, tờ 6b-11a.

CXII

Vịnh khánh-vân thi

thơ của Trịnh-Căn, 1682-1709

Thấy đà gồm được khí viên linh,
Bỡ-ngỡ tường quang vận thái - ninh.
Màu rỡ kim-kiều phô sặc-sỡ,
Thế khoe phương chủ tỏ rành-rành.
Trên phô vầng ngọc phong-đồ lạ,
Dưới ánh doành quyên liễc vẻ thanh.
Phỉ xứng ai ai lòng ngưỡng vọng,
Mừng vui khá sánh thuở khang thành.

Trích ở quyển *Ngự-đề Thiên-hòa doanh bách vịnh*, sách viết bằng chữ nôm của Trường Bác-cổ, số AB 544, tờ 28a.

CXIII

Vịnh thái-bình thi

thơ của Trịnh-Căn, 1682-1709

Thiên thụy lâu-lâu tiết thịnh minh,
Ấy điềm đại tự phỉ nhân-tình.
Dân an tố-nghiệp vầy ơn khắp,
Bể bặt tiềm-giao bởi chính lành.
Giang hán thơ ngâm mừng cảnh vận,
Phả ê khúc dựng lộ cu oanh.
Thênh-thêng đường tía càng hoan lạc,
Cửu-hựu ai chẳng ngợi cửa thánh.

Trích ở quyển *Ngự-đề Thiên - hòa doanh bách vịnh*, sách viết bằng chữ nôm của Trường Bác-cổ, số AB 544, tờ 28a-b.

Còn nữa

Ứng-hoè NGUYỄN VĂN-TỐ

1. Những bài nôm đăng kỳ này chưa ai in ra quốc-ngữ.

2 Bài ca *Cao* là bài *Cao lý*, tức là khúc hát viếng của đời xưa. Nó, người ta chết hồn-phách về cao-lý chép theo *Từ nguyên*, quyển thân, trang 71,

3. « Một tấc lòng, nghìn muôn năm».

4. « Ba thước đất là năm trăm năm »

Lữ-ký

BAN-MÊ-THUỘT

Số 3

của Biệt-Lam TRẦN HUY-BÁ

NHỮNG bếp ấy của ai thì người ấy dùng riêng; người ngoài không được đun nấu lẫn lộn.

Đi hết dãy buồng này, đến ngăn thứ ba. Ngăn này dành riêng cho gia-đình người trưởng-tộc hay trưởng-đoàn, cũng chia làm nhiều buồng quây kín bằng phên nứa. Có nhiều bếp để dành riêng cho người ngoài dùng, còn phía bên kia thì đặt một cái ghế dài, bên dưới cửa sổ lại có một hàng chim nứa,

Sau hết đến phần sàn phía cuối nhà để lộ thiên, cũng gần bằng phần sàn phía trước.

Những đàn bà Rhadée họ ngồi ruỗi chân dệt cửi ở đó, troug lúc mát giời. Khung cửi rất đơn-sơ, để ngay ở trên lòng; họ buộc một đầu chỉ vào cột nhà, hoặc vật gì nặng. Còn đầu go khổ thì đặt ở trên đầu gối. Hai tay đưa thoi trông rất nhẹ-nhàng êm-ái. Coi bộ nhiều cô cũng có vẻ xinh xinh khả ái.

Họ đương làm việc, thấy tôi là người lạ cùng vào với ông giáo, thì họ lấy làm quý hóa, thì-thào nói nhỏ cùng nhau, rồi cười ồ lên một lúc. Có một cô bạo dạn tới gần, mân-mê cái thước cuộn bằng sắt và cái thermos đựng nước của tôi. Tiện dịp, tôi rót luôn một cốc nước mời cô. Cô không ngần-ngại, uong luôn, rồi cười nói tự-nhiên. Viên giáo-học thông-ngôn cho tôi biết là cô rất yêu người Kinh như tôi, giá được đi mang cái cặp này (cô chỉ vào cái cặp) thì thích lắm. Tôi cũng theo lối xã-giao cảm ơn và quý hóa cô lắm, nhưng tiếc rằng không thể chiều ý cô được!

Bên cạnh các cô có để một đống quả bầu già, buộc thành từng túm phừng sáu bảy quả, trên đầu đút nút kín. Những bầu ấy đựng đầy nước lã dùng để nấu cơm ăn.

Ra đến cuối sàn lại có cái thang bằng thân cây gỗ dựng đứng, có bậc để xuống.

Thang này chạm-trổ đơn-sơ hơn thang đồng trước, Xuống hết thang, tôi còn nhận thấy ở dưới gầm sàn, nuôi nhiều gà, vịt, chó, lợn đầy hầm, ruồi muỗi bay tứ tung, mùi hôi không sao chịu nổi. Chẳng biết họ ở quen thì ra thế nào, chứ đối với tôi, tôi khi lấy xong cái kiểu nhà đó ra về, tôi lấy làm thoát nạn.

Ra đến hết sân, tôi còn nhận thấy một cái bàn thờ lập ở trên bốn thân cây, cao độ ba thước, trên lát một cái phên vuông, có để một cái thủ trâu còn dính mán, ruồi nhặng bám đầy tôi tự hỏi họ để cúng ai ở đó.

Công việc đã xong, lúc bấy giờ giời đã xế chiều. Vừa gặp đàn voi của các người đi rừng về qua, viên giáo học mời tôi cùng cưỡi voi về cho đỡ mệt. Ngồi trên bành voi bằng mây kên lại có mỹ-thuật mà êm-êm, tôi có cảm tưởng như tôi, lính của bà Trưng, bà Triệu xưa cưỡi voi ra trận đã đắc-thắng quay về...

Xuống voi rồi, tôi không quên tặng mỗi người Mọi một điếu thuốc và một cái bắt tay: coi bộ họ lấy làm hân-hạnh lắm.

Ở Ban-mê-thuột làm việc được năm hôm, tôi đã thấy mỏi mệt khó chịu vì trời nắng như thiêu, khí hậu nồng nực; Vén tay áo lên thì kìa đường biên giới ở cổ tay chia đôi, chia đen, trắng!

Chiều đến, lại thấy mình đã ngây ngấy sốt, nên giáo-sư N. cố gắng làm việc cho xong, để kịp đi Le-Lac nghỉ mát vào ngay chủ-nhật.

Hôm nay, thứ bảy nghỉ ở nhà trọ, tôi ra phố chợ sắm sửa một vài thứ cần dùng, nhất là bao diêm.

Tiện dịp, tôi vào hiệu ảnh chụp một bức ảnh để làm kỷ-niệm, rồi đến mấy nhà ông bạn mới quen, để từ biệt ngày mai khởi hành thật sớm.

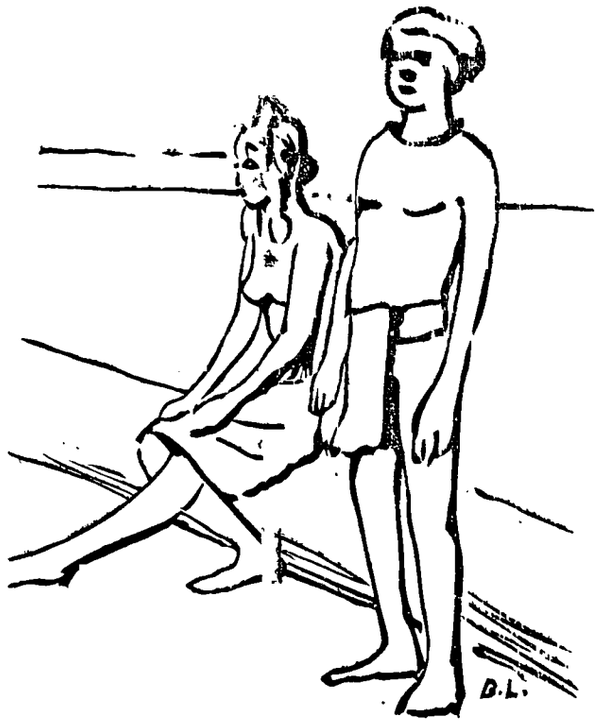

Hai vợ chồng người mọi

Sáng chủ-nhật, mới hơn 4 giờ, đã thấy bác tài đánh ô-tô lại trước nhà tôi. tôi vội xếp hành-lý rồi phóng xe đến ngụ sở của giáo-sư N Đến nơi, đã thấy giáo-sư cùng người lính Mọi đương đứng chờ. Sau khi thu-xếp xong-xuôi, xe bắt đầu chạy theo con đường bảng tỉnh số 194 dài 56 cây số. Tuy không lên thác xuống gềnh, nhưng cũng phải qua rừng, qua núi. Đường mấp-mô, nên xe chỉ chạy độ 40 cây số một giờ. Tới một nơi rừng rậm, thấy đàn công ra ăn giữa đường, giáo-sư N vội bảo hãm xe để bắn; nhưng đàn công tinh quái đã sổ cất cánh bay cao!

Xe lại từ từ đi mãi đến gần 7 giờ, thì đến Poste le Lac Lính đồn đứng chào và mời vào giải khát ở nhà nghỉ mát của vua Bảo-đại mới dựng lên trên một trái núi đất khá cao, trước mặt trông ngay ra hồ. Thực là một cảnh Bồng-lai gió mát như đàn, bóng râm êm ái, phong cảnh đẹp như bức tranh sơn thủy của nhà họa-sĩ khéo vẽ vời. Xa trông làn nước mênh-mông sóng gợn lăn-tăn, dưới dãy núi trập-trùng xanh biếc, thỉnh-thoảng lại điểm một cánh buồm thuyền đánh cá tựa như lưỡi mác trắng, cắm thẳng từ nền giời với mặt nước, không phân-biệt gì nhau. Lại thêm một lũ vịt giời bay đi liệng lại, làm cho tôi mê-mệt ngẩm hoài. Bấy giờ trong mình khoan khoái, sự nóng-nảy nhọc-mệt ở dọc đường đã tiêu-tán đi đâu hết cả. Trong lúc đương hứng thú, giáo-sư N. liền chụp mấy tấm ảnh để làm kỷ-niệm. Tới buổi trưa, dùng cơm ở đó.

Qua 2 giờ chiều, tôi cùng một người lính Mọi đi tới Mébac là làng của giống người Mnông-G'ars, để lấy một vài kiểu nhà của họ. Những nhà của giống người này, còn sú-sửa hơn của người Rhadée nhiều lắm: bề dài độ 15 thước, bề ngang độ 5 thước, cách kiến-trúc cũng đại-khái như nhà của người Rhadée. Bên trong đồ-lề bày-đặt cũng tương-tự như thế. Chỉ khác là mỗi nhà họ có làm riêng, một cái nhà kho nho-nhỏ ở phía tay phải để chứa thóc. Bên dưới kho thóc, họ nuoi gà, vịt, nhưng cách xa nhà-cửa họ ở, nên cũng đỡ phần hôi-hám. Ở đấy họ hay làm những cái ống tre, tựa như ống quyển của ta. Ngoài vỏ, họ lấy dao trổ gọt nhưng nét nhỏ, đủ hình tam giao, hoa thị, quân cờ, giống vật, coi rất ngộ-nghĩnh

Tới đây, tôi mới biết điểm rất cần dùng trong lúc này. Tôi mang theo hơn trăm bao diêm mà phân-phát hết, vì họ được một bao diêm lấy làm quí-hóa và sung-sướng lắm. Khi tôi ra về, họ đem tặng một ít trứng gà.

Đêm nay được nghỉ ở nhà «Thừa lương». Nhờ dư-huệ của nhà vua, tôi được mát-mẻ. Từ hôm tới xứ này nay mới được một đêm ngủ khoẻ sáng ra người rất khoan-khoái.

Vào khoảng 7 giờ đã thấy giáo-sư N. tới phòng tôi niềm nở hỏi thăm khởi-cư và tỏ ý muốn lưu lại ở đấy ít hôm để hưởng thú mát, song ngặt vì thì-giờ cấp-bách, nên lại sẽ phải cùng tôi đi vào hầm lửa, chỗ có lẽ còn nóng hơn ở Ban-Mê-thuột nhiều. Rồi giáo-sư yên-ủi tôi đừng ngại về, chỉ ở đó vài hôm rồi đi Dalat. Đoạn giáo-sư về phòng thu-sếp. Một lúc lâu, thấy ông Đồn tự vận lái xe tới đón chúng tôi, để đi Ban-Péco, đường dài hơn 50 cây số. Khi xe đi đến nửa đường, gặp đàn công đương ăn ở khu rừng mới đốt xong, ông Đồn vội vào súng bắn đánh «đoàng» một phát. Rồi ông rúc một hồi còi ính-ỏi.

Trong năm phút, đã thấy dân Mọi ở gần đấy kéo ra, kẻ mang trứng, người mang hoa quả, tấp-nập dàng lên. Ông Đồn cùng giáo-sư N. phân-phát cho mỗi người mọi một bao diêm và một điếu thuốc lá, rồi nói tiếng mọi cho họ biết nơi công bị đạn Họ đi lùng một lúc, đã thấy xách về hai con công lớn. Tôi tự nghĩ: Nhà võ bắn súng vẫn gỏi hơn nhà văn nhiều!

Nghỉ một lúc, rồi xe lại chạy hoài.. Khi đến gần trạm Péco, thì nổi một hồi kên báo hiệu Xe vừa dừng bánh, đã thấy các người mọi Mnông-Lach, cùng viên giáo-học Mọi với lũ học trò, nhất loạt

đều đóng khố, đứng sắp hàng chào. Sau khi được ông Đồn úy-lạo vài câu, họ đều giải-tán. Ông Đồn đi khám xét trong trạm một hồi lâu, rồi từ biệt chúng tôi, ông không quên tặng một con công lớn để chúng tôi làm món ăn chiều. Sau khi ông Đồn về, chúng tôi vội bắt tay vào việc.

Chiều hôm ấy, chúng tôi ăn cơm và nghỉ ở nhà trạm Péco. Món ăn thêm được thịt công rất thú : con công vừa béo vừa non, nên lạ miệng lại càng thêm ngon. Đêm ấy ngủ ở nhà sàn. Tuy giời nóng - bức, nhưng cũng còn dễ chịu hơn ở Ban-mê-Thuột nhiều.

Sáng hôm nay, đến nhà người Mọi Mnông-Lach gần đấy để lấy kiểu nhà. Có điều khác hẳn các giống Mọi khác là ở đây họ làm nhà ngay sát đất, như lối nhà người nam ta, bề dài độ 30 thước, ngang độ 5, 6, thước. Hai đầu hồi nhà làm tròn như hai mũi thuyền. Cửa chính ra vào, họ mở về mặt ngang nhà, như kiểu nhà ta.

Suốt chiều dọc giữa nhà, ngang độ non hai thước, họ làm bục (grenier) để chứa thóc. Bục cao hơn mặt đất độ 1m50. Cứ mỗi gian dài hơn hai thước, họ đặt một cái bếp ngay ở dưới gầm bục thóc. Khói bếp bốc lên bục thóc đen sì. Thóc để ở trên, được khô ròn không bị mọt.

Dưới đất suốt phía dọc trong nhà họ làm sàn để ngủ. Sàn ấy cách mặt đất chừng hai mươi phân. Phía trong giáp vách nứa, họ cũng xếp một hàng chum xanh vàng nhớn nhỏ.

Mái nhà họ lợp bằng gianh, xung-quanh vách quây bằng phên nứa.

Trước cửa nhà về phía tay trái, họ làm chuồng nuôi gà, vịt lợn, trâu. Họ thường dựng trước nhà một cây bương thẳng rất cao, trên đầu cắm cành lá tựa lá cây thiên - tuế. Thân cây bương, họ sơn đỏ, đen và trắng vẽ các hình coi rất ngô-nghê. Dưới gốc cây bương ấy, họ để một cái cốc tròn bằng thân khúc gỗ, dùng để dã gạo. Họ đổ thóc vào mà dã, khi sẩy hết vỏ thóc, thì đổ ra sàng, nên họ toàn ăn gạo lịch.

Họ thích tắm luôn : cứ chiều chiều, già, trẻ, nhớn, bé đều trần-truồng lội xuống khúc sông Krông-kno để tắm tự - nhiên.

Giữa giòng sông, nước suối chảy luồn qua khe đá, cuồn cuộn như reo. Khi gặp những hòn đá chắn ngang ; ngọn nước vọt tung, bắn ra tua-tủa, coi rất đẹp mắt. Họ đùa nghịch nhau có vẻ tình-tứ nên thơ !

Giáo - sư cùng tôi cũng dự một chiều tắm ở suối này : nước trong và mát. Chúng tôi vui thích !

Ở đó vài hôm, thì gặp dịp quan Khâm - sứ Graffeuil đi kinh-lý miền Mọi vừa qua. Vì đã có thư báo trước, nên quan Công-sứ Dalat cho đánh theo một cái xe không lên đón chúng tôi. Sau khi quan - khách dùng cơm trưa ở trạm Péco rồi, đoàn xe bốn cái, từ biệt làng Mọi, thong-dong chạy về Dalat. Đường dài hơn 50 cây số, nhưng cũng dễ đi.

5 giờ chiều, chúng tôi đã tới nơi nghỉ mát của tỉnh Haut Donnai. Nơi nghỉ mát đây tưởng không phải nói, chắc các độc-giả cũng đã rõ nhiều rồi !...

Nghỉ ở Dalat vài hôm, tôi phải từ biệt giáo-sư N. để về qua Huế, lấy kiểu mấy con voi chầu.

Công việc xong-xuôi. Khi về tới Hanoi, tôi ở trên xe hỏa bước xuống với một sự ngạc-nhiên của mọi người quen - thuộc ra đón : nước da tôi đen đủi và người tôi sút đi nhiều. Ấy là tôi đã được nghỉ ngơi nhiều chặng mà còn thế đó !

Ban-mê-thuật, nó đã cho tôi nhớ mãi không quên ! Thiên Lữ-ký này tạm để chút ít kỷ-niệm chim hồng in móng.

(Hết)

Biệt-Lam TRẦN HUY - BÁ

Bia Văn - miếu

Tiếp theo trang 10

(*đọc là* Sưu-liêu tập- *cũng được* ; *có sách chép là* Văn-liêu tập).

Nhà ở Phượng-thành, có ao, có cây đẹp-đẽ xanh tốt, có biển đề chữ « Hoàn-bích đình ». Vua Lê Thánh-Tôn mỗi khi đi đến chơi, đem tập Thiên-nam dư-hạ *bảo ông phụ ấn.*

Năm Hồng đức thứ tư 1473 ; thăng Hàn - lâm thừa-chỉ, kiêm Quốc-tử-giám tế - tửu. Khi mất, vua sai lập từ đường ở Ninh sơn, làng Ngô-sài.

Con là Lực làm đồng tri phủ ở Thao giang ; con là Triệt lấy chân nho sinh được bổ huyện thừa, đặc thăng lục sự, dần dần thăng Lại bộ hữu thượng thư, Đôn tĩnh Thái thường thiếu khanh.

Ông Thân nhân Trung làm bài hành trạng về ông Trực, có câu : « Khai quốc trạng nguyên, văn chương vẻ vang trong nước, nổi tiếng một đời. Triều vua nào cũng được vua yêu chuộng, giữ việc văn hành, ở ngôi quán các, mà là người khiêm tốn, trước sau vẹn toàn ».

Có sáu bài thơ cận thể còn chép trong Toàn việt thi lục *của ông Lê qui Đôn : bài thứ nhất đề là* Phiếm chu *chơi thuyền, bài thứ hai đề là* Cực lạc tự *đề chùa Cực lạc, bài thứ ba đề là* Đăng Hương lô sơn tự *lên chùa núi Hương lô, bài thứ tư đề là* Ngẫu thành *tình cờ làm chơi, tức là bài thơ xin về Tây sơn thảo đường dưỡng lão, đã dịch trên kia, bài thứ năm là* Đề Qui phi..., *bài thứ sau là* Bình tuất ngẫu thành *(Ngẫu chơi trong năm bính tuất,* Quang thuận *thứ bảy, 1466, đã dịch trên kia chép theo quyển* Toàn việt thi lục, *sách viết của Bác-cổ, số A 1262, quyển 10, tờ 6 a-8a).*

Còn nữa

Ứng hoe NGUYỄN VĂN-TỐ

SỐ 30

THỬ VIẾT

VIỆT-NAM VĂN-HỌC SỬ

HOA-BẰNG

Về đời văn-học của vua Trần-Thánh-Tông, 1258-1278, cứ theo như sử sách đã chép, hì ngài góp vào công-cuộc văn-hóa chung của nước Đại-Việt không phải không nhiều. Tiếc rằng trải qua bao cuộc biến-thiên, tờ tàn mảnh vụn chỉ cho ta thấy được chút ít di văn của bậc vĩ-nhân ấy !

Trong *Toàn-Việt thi tập* chép ngài còn được năm bài thơ *cận-thể :*

1. Vãn Thiếu-bảo Trần-Trọng-Trưng
2. Hạnh Ân-bang phủ
3. Đề Huyền-thiên đỗng
4. Hạ-cảnh
5. Cung viên xuân nhật ức cựu

Trong *Khâm-định Việt-sử thông-giám cương-mục* quyển 7, tờ 16a chép năm giáp-tuất, niên-hiệu Bảo-phù thứ hai, 1274, vua Trần Thánh có làm được hai quyển « *Di hậu lục* ». Cùng trang sử ấy, sử-thần có chua ở lời « chú » rằng : « kim thất truyền ». Nghĩa là tập « *Di hậu lục* » ấy nay không còn nữa.

Trong *Đại-Việt sử-ký toàn thư*, quyển 5, tờ 58, chép năm kỷ-sửu, niên-hiệu Trùng-hưng thứ năm, 1289, sau khi quét sạch giặc Mông-Cổ, Thượng-hoàng, tức vua Trần Thánh, ngự chơi Thiên trường hành-cung, cảm vì trải qua hai trận đại chiến, có làm ra một bài thơ chữ hán tám câu năm vần. Nguyên-văn bài thơ ấy có in trong trang sử ấy và, hiện nay, có khắc vào một bức hoành treo thờ ở đền Tức-mặc thuộc tỉnh Nam-định.

Trong *Thánh đăng thực lục* chép vua Trần Thánh có những văn-phẩm này :

1. Văn tập
2. Thiền-tông liễu ngộ ca
3. Chỉ-giá minh
4. Phóng ngưu
5. Đại-minh lục (?)

Ngoài ra, sách Thánh-đăng thực lục còn chép tám bài thơ của ngài, nói về thiền-chỉ và ít câu giải-đáp về đạo Phật nữa.

Như vậy, vua Trần Thánh không phải không giàu về mặt văn-học.

Nay muốn biết rõ về văn-chương tư-tưởng của ngài, chúng ta phải qua những bài di văn ấy mà xét mới được.

Trước hết hãy nhìn về phương-diện văn-chương :

Trong bài « *hạ cảnh* », ngài tả cái cảnh êm-đềm nên thơ của ngày hè trong chốn hoa đường, hoa sen thơm, gió bắc mát, khiến người sống trong cảnh ấy, đối với thời-gian, tưởng như dằng-dặc dài ghê...

Hai câu sau này, tác-giả đã đi sâu vào nghệ-thuật :

« *Viên-lâm, vũ quá, lục thành ác.*
Tam lưỡng thiền thanh nào tịch-dương... »

DỊCH

Trải mưa, vườn-dược, màu xanh rủ.
Vài tiếng ve kêu rộn ánh tà !

Xuân đến, đem hương sắc dệt thành thơ mộng trải khắp vườn hoa trong cung cấm. Trước cảnh khêu tình gợi tứ ấy, ngài lòng riêng chạnh cảm, nhớ đến tình xưa :

« *Không môn bán gềm kính sinh đài,*
Bạch trú trầm trầm, thiều vãng lai !
Vạn tử, thiên hồng, không lạn-mạn.
Xuân hoa như hử, vị thùy khai ! »

(Cung viên xuân nhật ức cựu)

DỊCH

Cửa không, hờ khép, lối đầy rêu !
Lìm lịm ngày xuân, ít tới lui.
Muôn tía, nghìn hồng đua rực rỡ...
Hoa xuân đường ấy nở vì ai !

Cứ mấy câu ấy để làm lệ, đủ biết văn thơ của vị anh-hùng hoàng-đế kia không phải chỉ chú-trọng về ý thôi đâu, nhưng cũng khéo giũa gọt và thêu-thùa cho thành những lời gon gấm nữa.

Nhưng, không ngờ bên những áng văn mỹ-miều, đẹp-đẽ, bay-bướm, nhẹ-nhàng ấy, ngài lại có những bài dùng hình-thức văn vần mà diễn-đạt những tư-tưởng sâu thâm về tôn giáo, về triết-học.

Phải, ngài là một nhà thuần-túy tôn-giáo. Sau 21 năm tri-vì, ngài nhường ngôi cho vua Trần Nhân, xuất gia đến tu tại chùa Tư-phúc ở Côn-sơn thuộc Hải-dương.

Thờ Trúc-lâm Đại-đăng quốc sư làm thầy, ngài cũng thế-phát như các nhà tu-hành khác. Tự hiệu là « Vô-nhị thượng nhân », ngài hằng ngày thường hay đàm-đạo với các thiền khách, đi sâu vào nơi ảo-diệu của nhà Thiền.

Bây giờ ta thử xét ngài về phương-diện triết-lý qua mấy bài thơ về phật-học :

Ngài lấy những sự-vật bề ngoài để cắt nghĩa về *tĩnh* và *động* là những vấn đề mà xưa kia nhiều nhà triết-học Đông-phương vẫn để tâm nghiên-cứu.

Ngài ví : « *Động* » như tiếng gió vi-vu trong cái hang núi ; « *Tĩnh* » như ánh sáng trăng rỏ xuống mặt đầm lạnh lẽo im tờ ;

« *Động như không cốc phong sao hưởng ;*
Tĩnh nhược hàn đàm nguyệt lậu minh. »

Toàn văn bài thơ này chép trong *Đại minh lục.*

Ngài giữ được cái chân tướng, cái bản sắc của bậc đại-nhân, tức như cái khí hạo-nhiên mà thầy Mạnh-tử đã đề-xướng. Nó không dời vì bần-tiện, không dâm về phú-quí, không khuất vì uy-võ. Một khi giữ được cái chân diện-mục ấy, trong bụng người ta, bất cứ ở vào lúc nào, gặp cảnh ngộ nào, cũng được thênh thênh thư-sướng. Vì vậy một trong năm bài « tự-thuật », ngài có câu rằng :

« *Nhận đắc bản-lai chân diện mục,*
Đáo đầu hà xứ bất hưu hưu ».

Đại ý :

Nhận được cái chân diện mục vốn có của mình mà đừng để cho nó mờ-tối hay sai lạc đi, thì gặp việc gì, ở chỗ nào mà trong lòng chẳng được rộng-rãi và quang-đãng ?

Để thuyết minh về chân-tâm ấy một cách rõ ràng hơn, ngài có nói ở bài « *Chân tâm chi dụng* » gồm 16 câu, mỗi câu 4 chữ như vầy : « Cái dụng của *chân tâm* nó tĩnh-tao, nó lặng-lẽ, không

đi, không lại, không bớt, không thêm, vào lớn được, vào nhỏ được, xoay thuận được, xoay nghịch được ; động thì như mây, hạc ; tĩnh thì như tường vách ; nhẹ thì như lông ; nặng thì như đá ; sạch lau láu, đỏ hon-hỏn, không thể đo-lường, không có tông-tích ».

Đó, về mặt triết-lý trong thơ văn vua Trần-Thánh, chúng ta nhận thấy có những chỗ cao thâm là thế.

Ngài mất tại Nhân-thọ cung, ngày 25 tháng 5, năm Canh-dần, niên-hiệu Trùng hưng thứ sáu, 1290, thọ 51 tuổi, táng Giụ-lăng.

Tham khảo : *Đại Việt sử-ký toàn thư*, quyển V, tờ 25-63 ; *Khâm-định Việt-sử thông-giám cương mục*, quyển VII, tờ 1 — quyển VIII tờ 19 ; *Toàn Việt thi tập ; Thánh đăng thực lục...*

H. B.

Đón coi :

Quan - niệm dịch thơ

của KIỀU THANH QUẾ

Bản sách-dẫn về « Đại Nam liệt truyện »

của THỌ XUÂN LÊ VĂN PHÚC

LOẠI SÁCH
QUÊ-HƯƠNG
I

Trần Can

kèm thêm

Lý Chiêu-Hoàng

Vở kịch dài đầu tiên bằng thơ trong thi giới Việt-Nam.

Một thi phẩm tuyệt tác của

PHAN KHẮC-KHOAN

Boite postale N. 2 Huế

người đầu tiên chuyên viết kịch bằng thơ theo sự tích của quê-hương đất nước.

Ở Bắc kỳ, gửi về cho hiệu sách Đông Tây 195 hàng Bông Hanoi. Giá sách 0p80 Cước 0p14

Tin vắn hằng tuần

QUỐC-TẾ

Theo tin O F I ngày 10 juillet thì quân Đức đã tiến quá Voronej (Nga) 170 cây số và hạ thành Rossosj rồi, nhưng ở mạn Orel, quân Nga lại tiến thêm được 100 cây số.

Ở miền Caucase thì quân Đức đang dự bị một cuộc tấn công lớn.

Tại Bắc Phi thì cuộc xung đột đã bắt đầu dữ dội.

Tin Thổ cho rằng tướng Rommel đã làm xong việc mình ; nay sắp đến lượt quân đội Đức ở đảo Crète dùng quân nhảy dù khởi thế công để định chiếm hết các địa điểm ở Ai Cập.

Theo O F I thì, vì chính phủ Ai Cập không chịu hợp tác với Anh nên sáng thứ bẩy, nhà chức trách Anh đã hạ tối hậu thư cho vua Ai Cập là Farouk, bắt vua phải khai chiến với Trục, nếu không nghe, vua sẽ bị bắt làm tù binh. Nhưng vua và nghị viện Ai Cập không nghe, đã nhất quyết không giúp Anh, bởi thế nên về vùng này, Anh còn lúng túng lắm.

Cuộc chiến tranh ở Thái Bình Dương vẫn không thay đổi mấy : quân Mỹ đã sang đóng giữ đất Úc. Mà ở Moresby (cửa bể Úc) thì đã thấy có phi cơ Nhật sang đánh các tàu đồng minh đậu ở đấy.

Mãi 13 juillet mà ủy ban chấp hành của quốc dân đảng Ấn Độ vẫn chưa quyết định thái độ đối với bản dự án của ông Gandhi và ông Nehru.

Ở Vân Nam cũng thấy không quân Nhật giao chiến với phi cơ Mỹ.

Theo tin Nhật thì bà Tưởng Giới Thạch tức Tống Mỹ Linh cùng hai bà Tống Khánh Linh và Tống Ái Linh đã dời Trùng Khánh đáp máy bay sang Mỹ, định để vận động Mỹ giúp Tàu.

Quân Nhật đã chiếm miền đông nam tỉnh Chiết Giang. Kiến Ân, thuộc tỉnh Phúc Kiến, cũng bị ném bom dữ, cũng như tại Côn-Minh, thủ đô Vân Nam và Kiến Thủy, cách Côn Minh 170 cây số. Ở đấy thấy có phi cơ Mỹ lên tiếp chiến.

ĐÔNG-DƯƠNG

Ngày 19 Mai, quan Toàn-quyền đã ký nghị định cho phép tổ-chức kỳ hội chợ trưng bầy tại Saigon từ 20 Décembre 1942 đến 30 janvier 1943.

Hồi 9 giờ sáng ngày 11 juillet, ủy ban phân định biên giới Đông-dương Thái-lan đã làm lễ, ký hiệp ước tại dinh Đốc-lý Saigon.

Cuộc hội thương ở Dalat giữa quan Toàn-quyền Decoux và các quan thủ-hiến các xứ đã xong. Trong cuộc hội-thương, các ngài đã bàn nhiều về vấn-đề chính-trị và kinh-tế ở Đông-dương.

Hội-nghị liên-bang Đông-dương lại sắp họp để bàn về chương-trình cải-cách các hội-đồng dân biểu.

Theo nghị-định quan Toàn-quyền ngày 2 juillet 1942 thì tại các tỉnh biên-giới và những nơi địa-hạt quan binh Bắc-kỳ và Ai-lao sẽ đặt ra một khu gọi là « tiền khu » (zône de l'avant). Khu này gồm giữa khoảng biên-giới Tàu — Đông-dương. Những người muốn qua lại hay ở tại khu ấy phải có một thứ thẻ riêng gọi là thẻ biên-giới. Thẻ biên-giới sẽ do các võ-quan trong địa hạt quan binh, các quan sứ các tỉnh biên-thùy, hoặc các người ủy-quyền của các vị quan ấy cấp phát.

Thẻ biên-giới chỉ được cấp trong một hạn sáu tháng.

Những người không có thẻ biên thùy mà đến ở « tiền khu » sẽ bị trục xuất, ngoài ra còn bị phạt từ 15 ngày tù hoặc 100 quan.

Chiều hôm thứ bẩy 11 Juillet ông chánh phòng báo chí và tuyên truyền Nam-kỳ đã đến khai mạc cuộc triển lãm báo sách Việt-Nam tại nhà hàng Nguyễn-khánh-Đàm Saigon. Cuộc triển-lãm này rực - rỡ nên kết quả tốt đẹp lắm.

Cách xếp đặt chữ nho

Tiếp theo trang 8

liền làm một. Thí dụ : bộ «thảo», bốn nét, viết còn có ba : 艹 艹

Chữ *du* một mình bảy nét 攸 hợp với chữ khác viết nhầm còn có sáu xem chữ điều 條 chữ thao 絛

3) Lỗi các ông thợ khắc. Thí-dụ chữ Qui 龜 Các tự vị đều tính 16 nét, nhưng đếm thấy những 18 nét. Sách « Premières leçons de chinois » của A. Vissière cắt nghĩa rằng nét ngoằng-nghoèo 乚 phải tính một nét trong chữ *qui* và ba nét trong chữ *mãnh* 黽 Có lẽ hơi trái với phép viết hán-tự: tiên tả, hậu hữu, tiên thượng, hậu hạ. Tự-vị tính mười sáu nét chẳng qua là theo cổ-văn : theo hình con rùa, chữ qui phải viết 16 nét thật. Nhưng thợ khắc muốn tiện việc ngắt hai nét 冂 làm đôi, mỗi nửa một bên, thành thử giữa chữ *qui* có một đường giấy để trắng từ trên xuống dưới. Người viết cũng ngắt ra như vậy, cho hai bên bằng nhau để trông chữ dễ coi. Rồi quen đi đến lúc có dịp tra chữ *qui* mới ngạc-nhiên không hiểu sao tự-vị lại tính có 16 nét.

4) Số nét có liên-lạc với bộ chữ Thí-dụ chữ *chi* 之 Khang - Hi xếp vào bộ « phiết ». / Nét phẩy thêm ba nét thành chữ *chi* : vậy chữ « *chi* » bốn nét. Nếu xếp vào bộ « điểm » « bộ chủ 冫 » chỉ thêm có hai nét, vậy chữ *chi* có thể tính ba nét được. Lại như chữ *vĩnh* 永 Khang - Hi xếp vào bộ « *thủy* » 水 Chữ *vĩnh* hơn chữ thủy một nét chấm, một nét ngang : *thủy* tính bốn nét, *vĩnh* phải tính sáu. Nếu xếp chữ *vĩnh* vào bộ « chủ » lẽ tất nhiên phải bớt đi một nét. Bảo rằng xếp chữ *chi* chữ *vĩnh* vào bộ « chủ » không được, thì chữ *tòng* sao xếp vào bộ « sắc » 彳, chữ *tốt* 卒 sao không xếp vào bộ « 丶 » 亠 ? Những tự-điển tra bằng net phần nhiều theo tự-vị tra bằng bộ, nên không tránh được chỗ phiền phức của Khang-hy tự-điển. Chữ *chi* vẫn tính bốn nét, chữ *nãi* vẫn tính hai nét : cùng một nét ngoặc, chỗ thì để nguyên một nét, chỗ lại ngắt ra làm hai. Ông bạn Nguyễn-công - Tiễu của tôi, sao không thêm cái đó vào những truyện kỳ-quan trong vũ-trụ ? (3)

5) Chính tự-điển đếm nét cũng không nhất định. Trong Khang-Hy chữ *vĩnh* 永 đứng một mình tính sáu nét, trong chữ *vịnh* 咏 tính năm nét, chữ *cức* 亟 đứng một mình tính tám nét, trong chữ *cực* 極 tính chín nét, chữ *miêu* 苗 trong chữ 貓 描 đứng một mình tính chín nét, trong chữ 僅 tính tám nét, chữ *phần* 賁 trong chữ 噴 đứng một mình tính 13 nét, trong chữ 墳 tính 12 nét.

Ngoài những điều bất-tiện kể trên này, bút-số phân-loại còn một chỗ khuyết-điểm lớn nữa, là những chỗ số nét bằng nhau rất nhiều. Cuốn Hán-Anh-tân-từ-điển, A new chinese English dictionary vào khoảng 10 000 chữ, mà có đến 760 chữ mười nét, 770 chữ mười một nét, 830 chữ mười hai nét Vậy cách bút-số phân-loại không thể dùng một mình được : những chữ số nét bằng nhau, phải xếp theo bộ nữa mới tiện việc tra-cứu.

2°) Bút-hình phân loại

Cách này phân-loại hán-tự theo hai nét đầu, như lối « Giang-sơn thiên-cổ » dùng trong cuốn Khải-Minh từ-lâm, do Khải-Minh Thư Cục xuất-bản năm 1940 ; hoặc theo bốn nét đầu, hai nét cuối, như trong cuốn Trung-Học-Sinh-Từ-Lâm, do Thế-Giới-Thư-Cục xuất-bản năm 1936.

1° *Khải-Minh-Từ-Lâm.* — Tự-vị này chia ra làm bốn Bộ , theo nét đầu bốn chữ Giang-sơn-thiên-cổ.

Bộ « điểm » 點 : nét chấm là nét đầu chữ *Giang* 江

Bộ « trực » 直 : nét sổ là nét đầu chữ *Sơn* 山

Bộ « phiết » 撇 : nét phẩy là nét đầu chữ *Thiên* 千

Bộ « Hoạch » 劃 : nét ngang là nét đầu chữ *Cổ* 古

Mỗi bộ lại chia ra làm bốn Mục 目 tùy theo nét thứ nhì khác nhau. Nét kép phải chia ra làm hai nét đơn. Ví-dụ :

chữ *thiên* 千 nét phẩy đầu, ... bộ « Phiết »

nét ngang thứ nhì .... mục « Hoạch » .

chữ *cổ* 古 nét ngang đầu, ... bộ « Hoạch

nét sổ thứ nhì.... mục «Trực»

chữ *tử* 子 nét ngoặc đầu, chia ra làm hai.

nửa trên ngang, bộ Hoạch, nửa dưới phẩy mục « Phiết »

Trong một mục dùng số nét khác nhau để phân biệt. Rút cục cũng phiền-phức như cách bút-số phân-loại ; nhiều khi phải dò từng chữ mới thấy (bộ Hoạch, mục Trực có đến 120 chữ tám nét

2° *Trung-học-sinh-từ-lâm.* — Xem bài sau, bàn về biệu - mã phân-loại. *Còn nữa*

Đ.T.Đ

1° Trong bài này tôi phân-biệt hán tự với chữ nho. Hán-tự là Caractères chinois, langue écrite ; chữ nho là hán tự đọc theo giọng Việt-nam.

2. Vào khoảng Octobre 1941, tôi có ngỏ ý với tác-giả quyển Hán-Việt từ-điển về cách phân loại hán tự. Ông có giả nhời tôi rằng nếu tự-vị của ông in lại, ông sẽ xếp-đặt theo séries phonétiques mà ông dịch là « *khuôn tiếng* »

3. Xin độc-giả tha-thứ cho câu này, hơi lạc-đề. Vì đi xa hay nhớ bạn cũ !...

Phê - bình

KINH CẦU TỰ

của HUY CẬN

HỘI-THỐNG VŨ VĂN-LỢI viết

NĂM xưa nhà văn - hào Pháp Paul Bourget xuất - bản cuốn tiểu-thuyết « Le Sens de la mort » (Nghĩa cái chết), mượn một thiên tình-sử cao-thượng, bi-đát, để diễn-đạt tư-tưởng của tiên-sinh về lẽ sinh tử ở đời. Edouard Rod cũng đã băn-khoăn đi tìm nghĩa cái sống, trong cuốn « Le Sens de la vie » Sinh, tử, tồn, vong, quả là một cái đề thiên - cổ đã làm cho bao thi-nhân, mặc-khách, cổ-kim, Đông, Tây, tốn công suy nghĩ, mà vẫn chưa khám-phá được lẽ huyền-bí của Tạo-vật.

May thay, ông Huy Cận, đày một lòng tin-tưởng và tín-nhiệm vào cuộc đời, đã cho ta biết « *Nghĩa sự sống* » một cách gọn-gàng, minh - bạch, trong tập « Kinh Cầu Tự ». — «Ôm sự sống, hôn cuộc đời », tác-giả sau khi ca tụng không ngớt « sự sống bao la và độ lượng », « cái chẳng chịt muôn hình của sự sống », « cái vui của Vũ-Trụ » (thì « mỗi người sinh ra » chả là « một cục vui của Tạo-hóa » là gì ?) đã cho ta biết một cách chắc-chắn rằng : « *Nghĩa sự sống ? Chỉ là lòng yêu sự sống mà thôi* »

Tác - giả « Lửa Thiêng » đã đứng về phương-diện tình-cảm để giải quyết một vấn-đề thuộc về siêu-hình học. Có « cái mạch sống mênh mang ồ ạt », ông « tin-tưởng ở sự sống, ở sức sống của con người », ông « đã yêu sự sống quá chừng nên... *phải nhập cuộc* (cuộc sống). Ông « xin Thượng Đế tha cho chúng sinh cái nhục héo hon, cằn cỗi », và cầu nguyện để mong Thượng-Đế thương lấy « muôn loài cằn cỗi » và cho chúng sinh « lây cái vui chuyền trời của sự sống ».-

Nhưng Vũ-Trụ không vui, cũng không buồn, vẫn thản - nhiên, lãnh đạm, trước những cuộc phế hưng, dâu bể. Cũng như đóa hoa sớm nở, chiều tàn, sống, chết, là những sự tự-nhiên trong trời đất. « Cục vui của Tạo-Hóa » là cái quái gì ? Chẳng qua « đã mang niềng khóc bưng dầu mà ra » thì phải làm tròn phận - sự, gánh vác với đời, góp mặt với giang-sơn, chứ có phải đâu vì « yêu sự sống quá chừng » mà nhập cuộc sống đâu ?

« Vai vút mạnh, ngực dô ra », ông Huy Cận hăng-hái « đi chinh phục cuộc đời » với một tin-tưởng mãnh-liệt vào sự sống ; nên ông cầu cho muôn loài « lây cái vui chuyền trời của sự sống», ông tưởng rằng dưới gầm trời ai cũng «vui như cây lên, như nước chảy », ai cũng là « giòng sông chảy ào về biển » cả.-

> **Thống chế Pétain đã nói :**
>
> « Nước Pháp tin cậy vào bản chức chưa phải là đủ ; nước Pháp còn phải tin vào sức của toàn dân. Và mỗi người Pháp phải giúp - đỡ bản chức một tay. »

Khi « ta vui thì ta gần Tạo Vật », « lòng ta vui thì ta thấy cả Tạo Vật « *như tự lòng ta mà ra* » ; trái lại, khi « *lòng yêu* » của ta hầu cạn, thì sự sống cũng xa ta. Lòng ta buồn, thì « nhịp đàn của Vũ-Trụ » cũng lỗi. Kết luận : nếu *nghĩa sự sống chỉ là lòng yêu sự sống mà thôi*, thì một khi *lòng yêu không còn tha-thiết nữa*, sự sống sẽ trở nên vô nghĩa.

Phân - tách tình thương - hại, tác-giả cho là « một điều bịa của con người... không tự nhiên, và không mỹ-thuật chút nào » Tuy vậy, ông cũng công nhận rằng « xã hội cần đến (tình thương hại) ở dưới đồng bằng ». Nhưng, « ở trên đỉnh ta cần chi đến » ; và « nếu không có lòng thương... » thì « biết đâu » ông « đã không vút lên trời từ mấy thuở » ! Phải, biết đâu đấy ? Ông vút lên trời, chắc là để « trông xuống thế - gian cười » ! Thật là « những ý nghiêng trời, chuyền đất », và «. . ghê gớm ! ».

SÁCH CỦA NHẬT - NHAM

Trịnh - Như - Tấu :

1 — Hưng yên địa chí Op.80
2 — Bắc giang địa chí 1.50
3 — Trịnh gia chính phả 0.40

Đều có bán tại Đông Tây thư quán

195 Phố Hàng Bông—Hanoi

Nhưng theo Anatole France, thì tình thương - hại lại là cần. Ta hãy nghe tiên-sinh : « Tôi càng nghĩ đến sự đời, lại càng tưởng nên lấy sự trào-phúng và bi-thương làm chủ và làm chứng cho đời người. Sự trào-phúng và sự bi-thương là hai bạn tốt lắm; một bên cười làm cho đời người đáng yêu, một bên khóc làm cho đời người đáng kính » Plus je songe à la vie humaine, plus je crois qu'il lui faut donner pour témoins et pour juges l'Ironie et la Pitié. L'Ironie et la Pitié sont deux bonnes conseillères ; l'une en souriant, nous la rend aimable ; l'autre qui pleure nous la rend sacrée... Phạm Quỳnh dịch).— Có lẽ theo thuyết sau này đúng hơn.— Chính ông Huy Cận cũng khuyên ta : « Lá vàng có đáng thương chi, *hãy dành lòng mà thương lá héo* » (K. C. T. trang 42) tuy ở mấy trang trên (28) ông đã bảo rằng « lòng thương hại không đẹp đâu... không tự-nhiên ».— Dẫu sao, cuộc đời là một tấn bi - hài kịch, nên khi cười, lúc khóc, có điểm thêm ít trào phúng và bi-thương, tưởng cũng không phải là thừa vậy. Vả lại, nếu người xưa « thương con quốc rũ kêu mùa hạ, thương cánh bèo trôi rạt bể đông, » thì ngày nay, chúng ta có « thương vợ chồng Ngâu, duyên chênh mảng. thương cha, mẹ rện phận long - đong » cũng không có hại chi cơ mà !

Ông Huy Cận lại khuyên ta « nhổ hận trong lòng... mà vứt đi ! Hối hận không phải là cây tự nhiên trên đất này... » Thiền nghĩ, hối hận cũng như lòng thương hại, cần cho thế-nhân lắm. Nhiều khi hình phạt của xã-hội, hay « búa rìu của dư-luận » cũng không làm cho người ta đau đớn bằng sự hối hận, có khi chiền miên suốt đời không hết. — Một người đã phạm một điều đại gian ác, chung quanh không ai biết. Nhưng những lúc đêm khuya thanh vắng, một mình mình biết, một mình mình hay », lương tâm dày vò, hối hận cắn rứt,... ví dụ kẻ kia còn nhất điểm lương tâm..., thì cái sự hình phạt thiên nhiên đó làm cho đau đớn ê chề, dẫu sống đến trăm năm cũng không chắc đã nhổ được gốc trong lòng mà vứt đi một cách ung dung dản dị ! Cho nên bàn tay của Macbeth đã vấy mấu tội lỗi, thì tất cả những hương thơm của xứ Arabie cũng không sao gội sạch được.

Có lẽ tác-giả « Kinh Cầu Tự » quên rằng hai năm trước, trong tập « Lửa Thiêng » đã viết bài « Thân thể » (..,Nếu Chúa biết bao nhiêu hồn ly tán. Vì đã nâng bình lửa ấp lên môi ; thì hẳn *Chúa cũng then thùng hối hận.* Đã sinh ra thân thể của con người .) — Thương Đế, Chúa Đời còn biết hối hận thay, huống chi người !

Trong tập « Kinh Cầu Tự » còn vài chỗ mâu-thuẫn. Một thí-dụ : Trang 48, ông viết « Ta phải bắt quá khứ nói ta nghe hết cả ý nghĩa của cuộc đời » Nhưng trang 84 ta thấy : « Tin tưởng ở sự sống ; *chớ nhìn trước ngó sau mà mất thì giờ* » Rồi trang 109, tác-giả lại viết : « *Đem ta vào quá khứ* tìm lại những cơn say mê, những cơn cuồng dại.. v. v. » Độc giả tự lấy làm phân - vân, không biết nên theo con đường nào. — Một vài chỗ tối nghĩa : « ... Trong bóng tối mênh mang *lòng ta đã hóa một tiếng gà* mà thức tỉnh mặt trời, gọi dồn ánh sáng.,. » « Ta đã ăn hành-vi của ta khi còn là cái thai trong tư-tưởng » — « Chỉ *có thể tự-tử* (?) những kẻ đã mở hồn, đã vào trong hồn mênh mông của Vũ-trụ v.v... » — Có chỗ sống sượng, sỗ sàng quá, gần như khinh mạn độc-giả : « Cha tâm sự với con :... «Có nhiều khi đọc xong đoạn thơ mệt như vừa nằm với người đàn

Sách khảo cứu

Truyện đức Khổng - tử.— Thuật trọn đời hy-sanh và tận tụy về phong-hóa, đạo-nghĩa của đức thánh Khổng. Ngài là một mảnh gương học hỏi, cương quyết,thanh bạch. Trọn bộ 1 quyển : 1p 00

Mấy thầy tu huyền bí.— Ở Tây-tạng và Mông-cổ. Biên những cách luyện đạo của các nhà tu trì nơi non cao đồng vắng, những phép huyền linh cục hạng người thắng phục thân tâm.

Trọn bộ 1 quyển : 1p.10

Gửi mandat thêm cước phí 0p.55

M. Đoàn-Trung-Còn

143 Rue Louvain Saigon

Sách mới

Bản-chí đã nhận được:

1·) *Làm tiền* một thiên phóng-sự rất đặc-sắc của Trọng-Lang do nhà « Mới » xuất-bản. Sách in đẹp, giấy 188 trang, giá bán : 1 p, 20.

2·) *Hiến-pháp của quốc-trưởng Pétain.* Mười sáu yếu-điểm về Hiến-pháp mới, dẫn-giải theo sách nho do Ưng - Trình dịch, phủ Toàn-Quyền xuất-bản.

Xin thành-thực cảm ơn các nhà tặng sách và giới-thiệu với bạn đọc.

bà... » « ... Sông cứ chôi đi, mặc cha cái bến và người ở trên : » « Âm dương : Cái tình thắt bó của sự sống đó thôi. Đã bao giờ anh muốn nằm với đất chừa ? Biết đâu sẽ không chồi lên một cây muôn nghìn tươi tốt v.v... » « ... Ta đã nằm với ai để đẻ ra các người đó ? (Các người đây là những ý « nghiêng trời chuyền đất » của tác-giả) — Ông Huy-Cận lại có ý muốn khoe rằng « những ý mạnh dã sé sương thịt ông « mà tuôn ra » ! và ông đã đau .. linh hồn và thân-thể .. », khi viết những ý của ông lên giấy — Thì từ xưa đến nay, những bà mẹ « mang nặng đẻ đau », cũng như những nhà văn-hào chân-chính, đều đã từng biết thế nào là sáng-tạo trong sự đau đớn. Một đằng thì đem xương, máu tạo ra sự sống, một đằng thì moi tim, óc cống hiến đồng loại, đều rất đáng khen, đáng kính. Nhưng viết và in lên giấy những ý không mới mẻ gì, e có khi thừa.

Tác-giả Kinh Cầu Tự có kiêu-hãnh không ? Ta cứ xem đoạn văn này sẽ rõ : « ... Kẻ đọc ta ơi ! Ta đang may áo trừ hao cho người đây. Ít lúc nữa tâm hồn anh mới bận vừa tư tưởng của ta đó... *Ta mong cho tâm hồn anh chóng nhớn ? ... ta mong anh chóng vất áo ta đi...* » Và « Những chiều thơ dại, đã có khi *ta muốn cầm trái đất trong tay mà vắt như một quả cam...* » Chắc là vắt lấy nước ngọt, và bổ để uống cho đỡ khát ! Vì tác-giả khát khao chân-lý, đang « đi tìm nguồn ». Ông Huy-Cận quả đã hơn M Barrès và André Gide — (1)

Nói tóm lại, ông Huy-Cận cũng đã tốn công phu lắm mới viết xong tập Kinh-Cầu-Tự này. Nhưng tiếc thay ! chưa phải là một quyển sách gối đầu giường cho thanh-niên nam-nữ, « phải đọc lại mỗi giờ mỗi phút » — Lời văn tuy chải chuốt, nhưng hiếm một vài chỗ trúc trắc, sỗ-sàng ; « những ý nghiêng trời chuyền đất » của tác-giả không lấy gì làm tân-kỳ, xuất-chúng đáng cho ta phải chú-ý một cách đặc biệt (2). — Tôi thành thực mong rằng với tập « Đài mây Vũ-trụ ca » xắp xuất bản, ông Huy-Cận sẽ làm cho ta phải ngạc nhiên và không dè dặt lời khen ngợi.

Hội-Thống VŨ VĂN-LỢI

1. *Maurice Barrès* có câu rằng : « Giá tôi có tài làm thơ thời tôi ngâm vịnh để tả tấm lòng khao khát muốn nuốt cả trời xanh » Si j'étais un jour poète, ce serait pour exprimer un désir insatiable de ciel immense — Phạm-Quỳnh dịch —

André Gide khuyên ta nên vứt bỏ tác phẩm của ông sau khi đã đọc, để đi sâu vào sự sống thiên-hình vạn-trạng. (Jette mon livre...)

2. K.C.T. trang 23 : « Ta phải bỏ một thời của ta đi, ... *cho một cái ta mới ra đời...* » Xin xem những tác-phẩm của Bergson.

K.C.T. trang 94 : « Đâu con đường hôm trước, đâu hồn ta phút này ? » — Nous n'aurons plus jamais notre âme de ce soir — Comtesse de Noailles — Vân... vân...

Đón xem

Tôn Thọ Tường

một danh-sĩ đất Đồng-Nai (1825-1877)

KHUÔNG-VIỆT biên soạn

THIẾU-SƠN đề tựa,

« ... Một công trình có giá trị « về lịch sử và một tấm gương « tiết tháo để soi chung ».

Nhà NGUYỄN-KHÁNH-ĐÀM
12, Rue Sabourain, Saigon
phát hành.

Vườn trưa

Tăng cao nắng đốt vàng nguyên
Cho vàng tưới rội khắp miền tràn-lan
Vườn trưa lặn ngập trong vàng
Làm duyên lẳng-lặng đôi hàng cau tơ.
Hướng-dương say nắng ngẩn-ngơ
Lẩng-lâng đôi cánh dật-dờ bướm bay.
Trời trong chẳng gợn làn mây,
Gió không giễu-cợt hàng cây rủ buồn.

Cô CẨM-LAI

Tiếng chuông chiều.

Trời sẽ run lên với tiếng vang,
Dư-âm bủa vọng tới mây ngàn ;
Vòm cây thành-kính nghiêng đầu đón,
Nắng tắt sườn-Tây, núi vạc than.

...

Chuông đồng gọi tỉnh lòng ai yếu.
Kẻ trục lần nương bóng điệp vàng.
Cửng cánh chim siêng là mái đậm,
Ngói hồng đan biếc khói xây ngang.
Bên thôn mục-tử theo đường vắng
Gõ nhịp sừng trâu, gót dặm đàng.
Quạnh-quẽ đồng hoang cơn gió vút
Chiều chăng áo sám quyến chuông tàn.

...

Lòng tôi trong xóm cô đơn dậy
Hút nẻo đường xa níu tiếng vang.....

Tử-Kim NGUYỄN-HUY-SA

Dịch thơ tây

La jeune captive

L'épi naissant mûrit, de la faux respecté ;
Sans crainte du pressoir, le pampre tout l'été
Boit les doux présents de l'aurore ;
Et moi, comme lui belle, et jeune comme lui,
Quoique l'heure présente ait de trouble et d'ennui,
Je ne veux point mourir encore.

Qu'un stoïque aux yeux secs vole embrasser la mort,
Moi, je pleure et j'espère ; au noir souffle du nord
Je plie et relève ma tête.
S'il est des jours amers, il en est de si doux !
Hélas ! quel miel jamais n'a laissé de dégoûts ?
Quelle mer n'a point de tempête ?

L'illusion féconde habite dans mon sein.
D'une prison sur moi les murs pèsent en vain,
J'ai les ailes de l'espérance ;

Echappée aux réseaux de l'oiseleur cruel,
Plus vive, plus heureuse, aux campagnes du ciel
Philomène chante et s'élance.

Est-ce à moi de mourir ? Tranquille je m'endors,
Et tranquille je veille, et ma veille aux remords
Ni mon sommeil ne sont en proie.
Ma bienvenue au jour me rit dans tous les yeux
Sur des fronts abattus mon aspect dans ces lieux;
Ranime presque de la joie.

Mon beau voyage encore est si loin de sa fin !
Je pars, et des ormeaux qui bordent le chemin
J'ai passé les premiers à peine.
Au banquet de la vie à peine commencé,
Un instant seulement mes lèvres ont pressé
La coupe en mes mains encor pleine.

Je ne suis qu'au printemps, je veux voir la moisson ;

Et, comme le soleil, de saison en saison,
Je veux achever mon année.
Brillante sur ma tige et l'honneur du jardin,
Je n'ai vu luire encor que les feux du matin,
Je veux achever ma journée.

O mort ! tu peux attendre ; éloigne-toi ;
Va consoler les cœurs que la honte, l'effroi,
Le pâle désespoir dévore.
Pour moi, Palès encore a des asiles verts,
Les amours des baisers, les Muses des concerts ;
Je ne veux point mourir encore.

ANDRÉ CHÉNIER

Lao trung thiếu-nữ thán

Nắng xuân ấm, hoa đào hớn hở,
Gió đông còn chưa nỡ ra oai ;
Nhuần mưa, bông lúa khoe tươi,
Nởn-nơ, chẳng sợ tay người cắt non,
Ta cũng đẹp, hoa hơn chàng chớ,
Đầu con xanh, như lúa chưa vàng.
Bây giờ dù mắc gian nan,
Thân này chưa muốn thác oan lúc này !
Mặc những kẻ, gan lay chẳng chuyển,
Lấy chết làm một chuyện vẻ vang
Thương thân, ta khóc, ta than,
Trông đời, hy-vọng còn chan với đời.
Gió bấc thổi, cúi rồi lại ngửng.
Mưa ướt rồi phải hửng nắng lên.
Mặt nào chẳng sót mùi men,
Bể nào mà chẳng có phen ba-đào ?
Vòng cương-tỏa ra vào, chi kể,
Vẫn mơ-màng góc bể, chân mây.
Mặc dầu cổng chắn, tường vây,
Lòng này có cánh ai hay ngăn ngừa ?
Kia xem thế sơn-ca chim nọ,
Vừa thoát vòng lưới họ bủa-giăng,
Víu-von bao xiết vui mừng,
Thẳng trông vân lộ, đè chừng bay cao.
Ngẫm thân-thế, ta đâu phải chết ?
Tấm lòng này bang-tuyết phỉ-phong,
Ngày đêm thức ngủ thong-dong,
Đêm không hối hận, ngày không âu sầu.
Khi đi đứng, ra vào đây đó,
Người người trông đều có lòng yêu ;
Kia bao mặt ủ, mày trau,
Thấy ta, tức-khắc có chiều hân hoan.
Con đường thế dặm ngàn bát ngát,
Trông còn xa, mù tắt chân mây ;
Bên đường dương liễu buông giây,
Ta đi mới quá mấy cây ở đầu,
Bàn tiệc thế, mới vào chưa gặp,
Chén rượu nồng, mới nhấp trên môi,
Rượu nồng còn nức hương giời,
Chén quỳnh ấm-áp chưa dời khỏi tay.
Ta mới thấy xuân hây-hẩy gió,
Con muốn xem sen ngó trên ao ;
Sen tàn đùa cúc, cợt đào,
Bốn mùa thưởng thức phỉ ao-ước lòng.
Trong vườn nọ, bông hồng mơn-mởn,
Chiếm hoa khôi, nhi-nhởn trên cành,
Ra đời mới thấy bình minh,
Lòng còn muốn được xem ra hồn-hoàng.
Hỡi Thần chết hãy khoan, khoan đã,
Tránh xa ra quây-quả ta chi !
Chán đời bao kẻ, thiều gì,
Đi tìm mà rước họ đi cho rồi !
Ta còn có nhiều nơi du ngoạn,
Trên đường đời, còn vạn cảnh xuân ;
Ngày xanh còn lắm ái ân
Thân này chưa muốn thác oan lúc này !

CÁCH CHI phiên dịch

TIỂU THUYẾT DÀI

TRÚC MAI SUM-HỌP

Số 4 của CHU-THIÊN

NÊN mẹ con tôi muốn liệu trước đi thì hơn

Chân-Giác Thiền-sư chưa kịp đáp lại thì ở ngoài sân chùa tiếng người xôn-xao văng-vẳng đưa vào : Người ta tìm hỏi sư cụ trụ-trì chùa Giác-nghộ này. Thiền-sư vội vàng đi ra. Đến cửa nhà tổ, tranh tối tranh sáng, chưa trông rõ ai, thì đã bị một bọn người ùa lại bắt và cùng nói :

— Nhà sư trụ-trì đây rồi !

Thiền-sư định thần lại trông rõ bọn người ăn vận võ-phục là quân lính nhà vua, liền hỏi rằng :

— Bần tăng đây, các ngài muốn cần việc gì ?

Một người đội-trưởng nắm lấy tay Chân-Giác và dõng dạc hỏi :

— Phạm-phụ vợ Phan-Độ hiện trú ngụ ở đây. Nhà chùa phải thân dẫn chúng tôi đến bắt. Lịnh quan truyền vậy.

Chân Giác thiền sư còn ngần ngừ chưa chịu đi, toan cãi lại, thì người đội-trưởng kia đã kéo tay đi, tiến về phía trai-phòng của Phan phu-nhân. vừa đi vừa nói :

— Chúng tôi biết cả rồi, nhà chùa không nên giấu giếm nữa, kẻo lại mắc tội oa-tàng phạm nhân Nhà chùa ở nơi Từ-bi, chúng tôi xin bảo thực đấy. Và chúng tôi không muốn tàn phá gì cả. Chư ở nơi khác, chúng tôi đã phá phách tan hoang ra rồi !

Lúc ấy cả đoàn người vừa đến trước trai phòng, người đội trưởng ngừng lại và thấy bóng người ở trong phòng, bèn hỏi sư Chân-Giác:

— Có phải phạm phụ đấy không?

Thiền-sư im lặng, không biết nói thế nào. Người đội trưởng quay lại truyền bọn lính :

— Các anh cứ sấn vào bắt lấy bà già ấy !

Rồi hắn quay vào nói to lên rằng

— Có phải Phạm-phụ vợ Phan Độ ở trong này thì ra chịu tội để quân lính bắt đi ! đừng có cưỡng lại mà bị đánh đập khổ thân ! Tìm kiếm mấy tháng nay mới thấy !

Phu-nhân còn đương hốt hoảng thấy chúng ùa vào bắt, không chạy kịp, đành để chúng bắt dẫn ra trình người đội trưởng. Hắn liền hỏi to :

— Tên này là Phạm-phụ Phan-Độ, phải ?

Biết thân chẳng thoát khỏi nào, phu-nhân thản nhiên đáp bằng giọng đường hoàng :

— Phải, tôi là vợ quan Thượng-thư Phan Công-Độ.

Đội trưởng truyền :

— Quân lính trói lại, vợ quan Thượng thư cũng trói.

Tiểu-Lan đang ngơ-ngác, thấy chúng trói phu-nhân liền chạy sấn lại chực gỡ ra, bị chúng ấy mạnh lăn xuống hè. Rồi chúng trói cả Chân-Giác Thiền sư, cùng áp giải về quân doanh quan Trấn-thủ. Tiểu-Lan khóc lóc chạy theo, toan nắm chặt lấy phu nhân, xin đi cùng. Bọn lính thấy vướng liền đá ngã lăn ra một góc sân rồi điệu Phan-phu-nhân và sư Chân Giác ra khỏi chùa. Tiểu Lan không được theo chủ nắm vật-vã ở sân than khóc rất là thảm-thiết !

Quân lính đi khỏi rồi, chú tiểu Chân-Giới ở đâu mới dò về. Nó mừng thầm mưu kế đã thành. Nguyên ban sáng, nó bị Tiểu-Lan sỉ mắng, vừa giận vừa thẹn, vừa sợ Chân-Giác thiền sư nghiêm khắc quở phạt, nó liền nghĩ kế báo thù Nó đã rình biết được tung tích của Phan phu-nhân, bèn đi xuống đồn quan trấn thủ gần đấy tố cáo tội trạng của phu-nhân và Chân-Giác, trong bụng nó mong mỏi hai người kia bị bắt đi, để Tiểu-Lan ở lại một mình, nó sẽ dễ bề trả thù và bắt ép. Nay mưu kế nó đã thành hai người đã bị bắt đi rồi, nó ở đâu chạy ra giả ý kêu ca làm bộ mếu máo, thấy Tiểu-Lan lăn khóc, bèn chạy đến gần, giơ hai tay toan đỡ dậy mà rằng :

— Có bần tăng đây, nàng chớ nên quá thương chi nữa, mà hại đến thân thể. Thôi, xin nàng mau mau giậy nào, nàng nên vào yên nghỉ tại trai-phòng, cùng bần tăng bàn tính việc cứu cho sư phụ và phu-nhân, chứ khóc lóc cũng là vô ích, mà nhiều khi còn hỏng việc lớn nữa...

Tiểu-Lan nghe thấy, không để cho nó nói hết lời liền vùng đứng dậy hầm hầm chỉ vào mặt tên tiểu mà mắng rằng :

— Chân-Giới ! Mày thực là đồ mặt người bụng thú ! Ai còn không biết độc-mưu quỷ kế của mày: Vì lòng tà dục mà tàn hại phu-nhân ta, mày thực là bất nhân. không nghĩ ân tình mà hại đại sư, mày thực là bất nghĩa ; không biết xấu hổ, lại còn mơ mòng nói càn, thật là đồ vô liêm-sỉ. Ta quyết cùng mày sống chết một phen, cho rõ tấm lòng trinh tiết và hả nỗi căm tức của ta đây....

Nói rồi, nàng cầm luôn hòn gạch ném vào đầu Chân-Giới.

Chân-Giới đương nhoen nhoẻn cười chực nói chòng lại, vô ý không đề phòng, bị Tiểu-Lan ném trúng giữa trán, máu me chảy lếnh láng, bèn ôm đầu xuýt-xoa và kêu rít lên rằng :

— À con tiện tỳ này vô lễ thật ! To gan thật ! không còn coi ai ra gì à ?

Rồi nó hầm hầm nổi giận, quên cả ý định, liền xông vào vật Tiểu Lan ra để đánh. Tiểu-Lan chống cự vật lại hết sức, nhưng thân hèn sức yếu, lại bị đánh ngang hông, nên một lúc sau đã bị Châu Giới vật ngã xuống, cầm đá đánh túi bụi. Tiểu-Lan bị đau quá, nằm đờ ra bất-tỉnh nhân-sự, không còn động đậy gì nữa. Châu Giới đánh đã mỏi tay và hả giận rồi, mới kịp nhìn đến Tiểu-Lan. Thấy nàng đã chết lử rồi lay, gọi không còn biết gì cả, nó sơ hãi quá, lại thấy ở ngoài xôn xao có tiếng người, liền vác xác Tiểu-Lan chạy tắt sau chùa, quẳng xuống một cái ngòi nhỏ gần đấy. Nó đẩy xác xuống giữa ngòi cho giòng nước chảy cuốn chìm lên, rồi ung dung bình thản về chùa.

III

Giời sáng giăng trong Mảnh giăng thượng huyền như cái lược cài trên nền giời xanh ngắt, chiếu ánh sáng trắng nhạt xuống vùng quê yên-tĩnh. Bốn bề phẳng lặng như tờ. Trong cái ngòi nhỏ mà sâu, nước chảy mạnh rào-rào nghe càng rõ thêm. Tiểu-Lan bị quăng xuống ngòi, theo giòng nước mạnh cuốn đi rất mau, xa ước vài mươi dặm, rồi đến một khúc lượn, mắc vào cái rễ cây chồi ra ngang ngòi Giòng nước cứ đun đẩy xác Tiểu Lan mãi, đưa nhô đầu nàng lên quá mặt nước, ghếch vào rễ cây. Bị ngâm cuốn dưới giòng nước mát, những vết thương dịu dần nay lại được nhô lên tựa vào rễ cây, Tiểu-Lan dần dần tỉnh ra, và nghe vãng vẳng có tiếng trống cầm canh, nàng bèn cố hết sức kêu lên rõ to :

— Ai cứu tôi với !

Lúc ấy đêm đã hơi khuya, nên sự yên tĩnh lại càng rõ-rệt. Tiếng kêu vọng đi thật xa. Quân canh trên đồn gần đấy nghe thấy tiếng kêu, liền nổi hiệu một hồi mõ cho quân lính trong đồn cùng ùa ra đi cấp-cứu. Mảnh giăng đã là-là gác núi, gần lặn rồi, chỉ còn chiếu sáng lờ-mờ. Bọn quân lính rầm-rộ kéo ra đồng ruộng, đi ven bờ ngòi tìm kiếm và lắng tai nghe ngóng tiếng kêu. Họ bảo nhau :

— Quái lạ ! rõ tôi nghe thấy tiếng người kêu cứu, mà ra đây lại không thấy, lạ quá !

— Hay là ma ?

— Ma nào dám hiện ra giữa sáng giăng như ban ngày thế này !

Một tên lính hoài-nghi nói :

— Hay là « cu cậu » mê ngủ, giật mình, rồi vội lên hiệu liền :

Một tên nữa cãi bộ :

— Không ! Tôi cũng nghe thấy tiếng kêu kia mà !

— Thế thì thử gọi lên xem nào ?

Rồi một người cất tiếng gọi to :

— Ai kêu cứu ở đâu đấy !

Cả bọn nghe cái tiếng kéo dài, rũ-rượi cười...

Tiểu-Lan nghe thấy tiếng người gọi nhưng mệt quá không sao thưa được nữa, cứ nằm rên-rỉ y-ỷ. Bọn lính đi đến nơi. Tên đi đầu thấy tiếng rên, vội vừa cúi xuống, vừa nói :

— Người chết đuối, anh em ạ.

Rồi hắn nhảy ngay xuống ngòi vớt kẻ bị nạn lên, nói :

— A ! người con gái chết đuối mắc vào rễ cây.

Một tên đỡ lấy nâng lên đường nói tiếp :

— Phúc-đức nhá ! Không có chúng tôi, cô phải làm *nam-ram* ở cái ngòi này.

Mọi người đều xúm cả lại, mỗi người một nhời, ồn cả lên. Tên lính đến sau nói trọc tức một câu :

— Ai vớt được thì phần người ấy. Việc gì mà các anh phải sán vào chực rây máu ăn phần ? Ai người ta để cho kia chứ !

Một người, có lẽ là đội-trưởng, mắng :

— Anh kia không được láo. Con gái đương đêm chết đuối đáng ngờ lắm. Việc quan-trọng, ta phải khiêng vào trình quan Trấn-thủ ngay !

Cả bọn đều vội đỡ Tiểu-Lan lên đem vào dinh, không kịp lay hỏi nàng gì cả. Vào qua cổng dinh, họ đặt Tiểu-Lan nằm ở hè trại quân. Trên chòi lập tức đánh ba tiếng trống báo. Một người lính vào bẩm với quan Trấn-thủ. Quan Trấn-thủ đồn này tức là Trần Long đang cùng với phu-nhân là Liên-Tường và nàng Lệ Kim bàn bạc mọi việc, thấy người lính vào báo, liền cùng nhau sai cầm đuốc ra xem. Trần-Long soi đóm vào mặt và khắp cả mình mẩy rồi lật đi lật lại, sờ tay lên ngực nạn nhân thấy nóng nóng và hơi thở đều-đều, vội giục quân lính vác chạy cho hộc bớt nước ra. Tiểu-Lan lúc ấy trong bụng đã tỉnh, nhưng ngâm nước đã lâu, rét quá không nói ra lời, cứ nhắm nghiền mắt lại, mặc cho họ vác chạy. Trần-Long ngẫm-nghĩ một lúc rồi nói :

— Người thiếu-nữ này có nhan sắc, không rõ đi đâu mà chết đuối, thực là đáng ngờ.

Liên-Tường liền nói :

— Thiếp trông ngờ-ngợ... Có nhẽ bây giờ người ta đã gần tỉnh rồi. Tướng-quân cho dừng lại cứu gọi xem sao.

Tên lính được lệnh, đặt Tiểu-Lan xuống. Liên-Tường để mắt nhìn kỹ, rồi liền kêu lên rằng :

— Giời ôi ! Con Tiểu-Lan đây rồi. Thực quả không sai ! Chẳng hay đi đâu mà một mình lạc loài đến đây !

Rồi hai tay ôm lấy Tiểu-Lan mà khóc. Lúc ấy, Tiểu-Lan đã cử động được chân tay, Liên-Tường liền sai người thay quần áo và đốt lửa chung quanh cho Tiểu-Lan đỡ rét.

Mọi người thấy vậy, đều lấy làm lạ, không hiểu sao cả. Trần-Long và Lệ-Kim cũng ngạc nhiên chỉ biết sai bảo đầy tớ cứu cấp cho chu-đáo.

Liên-Tường nín khóc gọi :

— Tiểu-Lan, Tiểu-Lan tỉnh chưa em ! Tiểu-Lan !

Còn nữa

CHU-THIÊN

QUỐC-HỌC THƯ-XÃ
mới phát hành

THI-THOẠI

Dầy non 300 trang giá 2$00

Son auteur, Văn-Hạc, est connu pour son esprit critique, aussi ce recueil abonde-t-il de détails d'anecdotes de notes et de commentaires variés... (L'OPINION n. 3,560 du 12 6 42)

ĐANG IN

LƯỢC-KHẢO VỀ MỸ-THUẬT VIỆT-NAM

Đã được cụ Nguyễn văn-Tố và nhiều báo chí Pháp Nam ngợi khen

ĐẠO SỐNG

Nghiên-cứu và phê-bình các chủ nghĩa luân lý triết học Đông Tây Đặt sách, mua sách do nơi LÊ VĂN-HÒE giám-đốc QUỐC-HỌC THƯ-XÃ 16 bis TienTsin HANOI

Mới xuất bản :

DANH NHÂN VIỆT-NAM

của PHAN TRẦN-CHÚC

Trong tủ sách Tao Đàn

Nhà TÂN-DÂN xuất bản

toàn bộ 4 quyển, mới ra quyển 1

Mỗi quyển bản thường : 0$70

Bản đặc biệt giấy lụa dó : 4$00

Ở xa xin gửi tiền trước, thêm tiền cước mỗi quyển là 0p.30. Không gửi lĩnh hóa giao ngân. Mandat đề tên ông VŨ ĐÌNH-LONG 93, Rue du Coton — Hanoi

SẮP IN XONG

CHỮ NHO HỌC LẤY

Cử-nhân DƯƠNG BÁ-TRẠC soạn

ĐÔNG-TÂY thư quán, 195 hàng Bông Hanoi xuất bản

Mỗi quyển giá 1p00, cước 0p18

Các hiệu sách các nơi nên đặt mua từ bây giờ

Các bạn cầu may !

bỏ 1 đồng mua vé số

Đông-Pháp

biết đâu không trúng số độc đắc 10 vạn

HÀNG MAY ÁO ĐI MƯA

Bằng lụa hoặc vải rất đẹp, nhẹ, bền, không ngấm nước, ra nắng to, vào nước sôi cùng ét sáng đều không chầy, không bao giờ dính quần áo.

Có đủ các mầu — Giá rất rẻ

do ETABLISSEMENT B T M chế tạo

Cần đại lý khắp mọi nơi

Viết thư về bureau de l'Établissement thương lượng cùng M. BÙI TÙNG-MẬU.

N. 36, Rue du Charbon Hanoi

Directeur: Nguyễn Tường-Phượng Administrateur Gérant : Dương Tụ-Quán

Imp. Spéciale du Tri-Tân Hanoi